

Số 06c /KH-HM

Đak Nia, ngày 23 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC-GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 – 2025

Căn cứ văn bản hợp nhất số 01/ VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của BGDĐT về việc ban hành chương trình giáo dục mầm non.

Căn cứ quyết định số 944/QĐ-UBND Ngày 08/8/2023 của ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành kế hoạch và thời gian năm học 2024-2025.

Căn cứ kế hoạch số 72/KH-PGD&ĐT ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 bậc học mầm non;

Căn cứ vào kế hoạch số 05 /KH-HM ngày 20 tháng 9 năm 2024 của hiệu trưởng trường MN-HM kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 – 2025

Căn cứ vào tình hình thực tế của trường, lớp, của địa phương. Chuyên môn phối hợp với nhà trường cùng xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2024 – 2025 với những nội dung như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Năm học 2024 – 2025 toàn trường có 10 lớp với 276 học sinh; HS nữ: 132, nam 144, trong đó học sinh dân tộc 115 cháu; Nữ DT 51;

Tổng số lớp học: 11 lớp; Trong đó: 02 lớp mầm, 05 lớp chồi, 04 lớp lá.

Khi thực hiện nhiệm vụ năm học chuyên môn có những thuận lợi, khó khăn như sau:

1. Thuận lợi

Được sự quan tâm hỗ trợ của chuyên môn PGD&ĐT, chi bộ nhà trường.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên nhiệt tình hăng say có trách nhiệm trong công việc, luôn tâm huyết với nghề, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ trong những năm qua có sự chuyển biến tích cực. Cơ sở vật chất, trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi được quan tâm đầu tư xây dựng.

Các bậc cha mẹ trẻ luôn tham gia nhiệt tình ủng hộ, luôn phối kết hợp tốt trong việc chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ.

Hệ thống phòng học đã được xây dựng kiên cố, khang trang, sạch đẹp, các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học tương đối đảm bảo.

2. Khó khăn

Công tác huy động trẻ trong địa bàn ra lớp còn nhiều hạn chế do địa bàn rộng.

Một số đồng chí giáo viên chưa mạnh dạn thiếu sự sáng tạo trong đổi mới phương pháp dạy và học, việc ứng dụng công nghệ sử dụng các phần mềm chưa thành thục.

Một số giáo viên áp dụng phương pháp dạy học giáo dục lấy trẻ làm trung tâm theo hướng trải nghiệm đôi khi hiệu quả chưa cao.

Một số lớp mầm, chòi đồ dùng đồ chơi bị hư hỏng nhiều, việc huy động xã hội hóa hạn chế nên đồ dùng đồ chơi chưa phong phú về chủng loại và đồng bộ.

Trường có hai điểm lẻ tại Thôn Đak Tân Và Bon SRêu cách trường 07km nên phần nào ảnh hưởng chất lượng chuyên môn.

II. NHIỆM VỤ CHUNG

Chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch năm học linh hoạt, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ em, tổ chức nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu của chương trình GDMN trong bối cảnh mới;

Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN, tiếp tục triển khai thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025” Phối hợp với nhà trường tiếp tục tham mưu thực hiện công tác quy hoạch, phát triển mạng lưới trường, lớp, đầu tư bổ sung cơ sở vật chất phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế, đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ em.

Nâng cao chất lượng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; đẩy mạnh công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác quản lý và nâng cao hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ.

Tiếp tục thực hiện chuyên đề năm học “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm” gắn kết với việc nâng cao chất lượng thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025”.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Đổi mới công tác quản lý giáo dục

1.1 Triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; chính sách về GDMN; đảm bảo các điều kiện thực hiện Chương trình GDMN; thực hiện hiệu quả đổi mới công tác quản lý theo hướng phân cấp, tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình:

- Sinh hoạt chuyên môn theo các bước nghiên cứu bài học thực sự có chất lượng và hiệu quả. Mỗi nhà trường có ít nhất 1-2 chuyên đề/tổ (khối) vận dụng giáo dục STEM/STEAM/1 năm học. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Thực hiện tinh giản và số hoá hồ sơ sổ sách; chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong cơ sở GDMN. Các loại hồ sơ sổ sách của nhà trường, tổ khối và giáo viên được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 (*tùy vào tình hình thực tế tại đơn vị có thể thống nhất thêm số hội họp, hoặc trên máy tính cá nhân*). Bảo đảm đầy đủ, kịp thời quy định về công khai mục tiêu chất lượng giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT.

- Tăng cường công tác quản lý các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục trên địa bàn nắm bắt kịp thời, đầy đủ các nhóm/lớp tư thục hoạt động trên địa bàn, theo dõi, hỗ trợ, tư vấn công tác chuyên môn giúp nhóm/lớp nâng cao chất lượng giáo dục và báo cáo cấp có thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu mất an toàn của nhóm. 100% các nhóm, lớp độc lập tư thục trên địa bàn đảm bảo các điều kiện theo quy định mới được tổ chức hoạt động giáo dục; Tham mưu UBND xã, chỉ đạo và chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp với UBND xã, trong kiểm tra, giám sát; hướng dẫn tư vấn, tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, đảm bảo an toàn cho trẻ em về thể chất và tinh thần trong các nhóm, lớp độc lập tư thục. Có giải pháp theo dõi, giám sát, kiểm tra, đánh giá, thu thập thông tin thường xuyên và kịp thời ngăn chặn, xử lý dứt điểm các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo hoạt động khi chưa được cấp phép hoặc có biểu hiện không đảm bảo an toàn cho trẻ.

2. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em

2.1 Bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em; phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh

- Tăng cường quán triệt và thực hiện nghiêm quy định về công tác phòng chống bạo hành trẻ em, bảo đảm an toàn trường học. 100% cơ sở GDMN trên địa bàn đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em. Đầu năm học các cơ sở GDMN chủ động tổ chức rà soát các tiêu chí về trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích theo quy định tại Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 và tổ chức cam kết giữa giáo viên với nhà trường, giữa nhà

trường với Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc đảm bảo an toàn cho trẻ em trong cơ sở GDMN; Tăng cường lồng ghép, tích hợp hiệu quả trong tổ chức bồi dưỡng chuyên môn kiến thức pháp luật liên quan công tác bảo đảm an toàn cho trẻ em; chú trọng công tác tự kiểm tra, đánh giá tiêu chuẩn về an toàn nhằm phát hiện sớm và có biện pháp khắc phục kịp thời các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ em, nhất là các nhóm, lớp độc lập tự thực. Giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2.2. Đổi mới hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN.

2.2.1. Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ

- Thực hiện tốt công tác y tế trường học theo quy định, bảo đảm 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng (sổ theo dõi sức khỏe) bằng biểu đồ tăng trưởng; Có kế hoạch phối hợp với cha mẹ trẻ phối hợp với ngành y tế thực hiện tốt các biện pháp theo dõi, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ em.

- Đẩy mạnh giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự phục vụ, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với lứa tuổi của trẻ, điều kiện thực tế của nhà trường; phối hợp chế độ dinh dưỡng và vận động phù hợp đối với trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì.

2.2.2. Đổi mới tổ chức các hoạt động giáo dục

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN và phát triển Chương trình GDMN: triển khai các giải pháp, phát huy tính chủ động của nhà trường trong việc phát triển chương trình GDMN phù hợp với điều kiện của nhà trường, địa phương, khả năng và nhu cầu của trẻ. Chú trọng cảnh quan môi trường vật chất luôn Sáng, xanh, sạch, đẹp, thân thiện, hạnh phúc và môi trường tinh thần luôn được hiểu, được yêu thương, được tôn trọng. Có nhiều không gian cho trẻ hoạt động ngoài trời. Khuyến khích tổ chức các hoạt động thực hành, Các hoạt động trải nghiệm giáo dục kiến thức an toàn giao thông, phát động phong trào như “Công trường an toàn”, “An toàn giao thông là nụ cười trẻ thơ”..., phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, tham quan ngoài nhà trường phải được tổ khối thảo luận, thống nhất xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trước khi tổ chức cho trẻ thực hiện. Tạo cơ hội cho trẻ “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”, “Học bằng chơi, chơi mà học”. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm ngoài trời phù hợp với điều kiện thời tiết và điều kiện cơ sở vật chất của trường. Phát huy hiệu quả các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cũng như điều kiện tự nhiên hiện có để giúp trẻ có cơ hội phát triển toàn diện.

- Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ em mầm non vùng dân tộc thiểu số, tiếp tục thực hiện kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016 -2020, định hướng đến 2025. Cơ sở GDMN chủ động rà soát khả năng sử dụng tiếng Việt của trẻ để có căn cứ xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung, phương pháp tăng cường tiếng Việt phù hợp với đối tượng trẻ em và điều kiện của nhà trường. Tham mưu chính quyền địa phương huy động cha mẹ trẻ là người dân tộc thiểu số tham gia hỗ trợ tăng cường tiếng Việt trong cơ sở GDMN. Đầu tư CSVC trường lớp và xây dựng cảnh quan môi trường tăng cường tiếng Việt cho trẻ em; tiếp tục thực hiện đúng, đầy đủ chính sách đối với trẻ em và giáo viên trực tiếp dạy trẻ người DTTS theo quy định; nâng cao chất lượng tăng cường chuẩn bị tốt tiếng Việt cho trẻ em mẫu giáo trước khi vào lớp một.

- Tổng kết, đánh giá Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, giai đoạn 2021- 2025” bảo đảm chất lượng, hiệu quả, có giải pháp phù hợp để hoàn thiện các nội dung của Chuyên đề. Tiếp tục thực hiện các nội dung của chuyên đề đi vào chiều sâu để CBQL và giáo viên thấm nhuần từng tiêu chí; nhân rộng đa dạng các mô hình điểm; tổ chức hội thảo/tọa đàm, giao lưu chuyên môn, sinh hoạt cụm trường, tham quan học tập chia sẻ kinh nghiệm giữa các cơ sở GDMN trong và ngoài tỉnh. Chú trọng giáo dục bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc, tình yêu quê hương đất nước phù hợp từng lứa tuổi của trẻ thông qua các hoạt động vui chơi, trải nghiệm để xây dựng “dấu ấn” riêng của nhà trường

*** Chỉ tiêu đối với học sinh**

Tỷ lệ Bé chăm: 85-95% đối với trẻ 3-5 tuổi;

Tổ chức hội thi văn nghệ

Tổ chức hội thi “ An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai”

Tổ chức hoạt động ‘ Ngày hội thể thao cho bé”

Phối hợp với nhà trường tổ chức hội diễn văn nghệ hoặc trò chơi dân gian chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11.

Trẻ được đánh giá theo 5 lĩnh vực phát triển theo chương trình giáo dục mầm non: Đạt trên 70%

100% trẻ 5 tuổi được bồi dưỡng các kỹ năng đọc, sao chép trước khi vào lớp 1.

Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ phù hợp với từng độ tuổi thông qua các hoạt động (2-3 hoạt động cho 1 chủ đề) và lồng ghép giáo dục mọi lúc mọi nơi.Trẻ đạt trên 70%.

*** Đối với giáo viên**

100% giáo viên học tập và nâng cao việc thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non theo mục tiêu giáo dục đào tạo do Bộ Giáo dục ban hành.

100% giáo viên được tham gia lớp tập huấn các chuyên đề chuyên môn của phòng của sở triển khai.

Giáo viên tham gia bồi dưỡng thường xuyên phân đầu 50% xếp loại giỏi; 50% xếp loại khá.

100% giáo viên biết UDCNTT trong trường; tham gia khảo sát chất lượng đầu năm

100% giáo viên tham gia thao giảng: 2 đợt/năm.

Kiểm tra chuyên đề: 1-2 hoạt động/năm

Kiểm tra có báo trước 1-2 lần/ năm.

Kiểm tra hoạt động sư phạm 30% /GV/năm.

Thực hiện có hiệu quả các chuyên đề do các cấp triển khai

Thi đồ dùng dạy học: 1 lần/năm. Thi theo khối mỗi khối có 01 bộ đồ dùng dạy học tự tạo đạt chất lượng sử dụng hiệu quả.

Kiểm tra hồ sơ giáo viên: 3 lần/năm tổng 42 bộ, phân đầu đạt 25 bộ tốt 17 bộ khá.

Tổ chức thi Cô và bé với đồ dùng, đồ chơi tự tạo

Tổ chức chuyên đề Trường mầm non hạnh phúc lấy trẻ làm trung tâm lồng ghép phương pháp steam nhằm tăng hứng thú cho trẻ khi tham gia hoạt động.

(HĐ tạo hình và hđ khám phá)

30% cán bộ quản lý và giáo viên, nhân viên tham gia viết sáng kiến kinh nghiệm.

*** Biện pháp**

Đầu năm ổn định nề nếp dạy và học, biên chế lớp phù hợp, tăng cường làm đồ dùng, đồ chơi, giáo viên lập kế hoạch giảng dạy phù hợp chủ đề, phù hợp độ tuổi trẻ.

Thường xuyên kiểm tra số lượng trẻ ở các thời điểm trong ngày.

Có kế hoạch bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên hàng tháng.

Tuyên truyền tới phụ huynh, động viên trẻ đi học chuyên cần, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần cho trẻ.

Dựa vào chương trình GDMN do BGD ban hành , dựa vào tình hình của địa phương của lớp và nhu cầu hứng thú của học sinh, nhà trường hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục năm học cho phù hợp với từng độ tuổi nhằm đạt hiệu quả mục tiêu cuối độ tuổi.

Hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch năm, tháng, tuần phù hợp đặc điểm tình hình khả năng của trẻ, khuyến khích tạo điều kiện cho giáo viên phát huy năng lực sáng tạo của mình, tự học, tự rèn các kỹ năng cần thiết cho hoạt động giảng dạy, mạnh dạn đổi mới tổ chức môi trường giáo dục trong hoạt động và ngoại khóa.

Chuyên môn có kế hoạch tham dự họp tổ, dự giờ, thăm lớp, xây dựng các tiết chuyên đề cho giáo viên dự giờ trao đổi rút kinh nghiệm mang tính tích cực.

Theo dõi, tổ chức các hoạt động của giáo viên ở lớp, có biện pháp tư vấn, điều chỉnh phù hợp.

Tăng cường kiểm tra việc bổ sung đồ dùng đồ chơi tự tạo, trang trí lớp học, đảm bảo an toàn tuyệt đối, đảm bảo vệ sinh, đảm bảo tính khoa học, thẩm mỹ và mang tính giáo dục cao để thu hút trẻ đến trường.

Phối hợp trong BGH tham mưu đầu tư xây dựng môi trường ngoài trời, để trẻ được hoạt động trong môi trường tự nhiên, chú trọng giáo dục trẻ lòng yêu thiên nhiên, và hình thành thói quen bảo vệ môi trường trong trẻ.

Động viên kịp thời những cá nhân có sáng tạo trong công tác. Đội ngũ giáo viên không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn

Khuyến khích các khối Xây dựng mô hình “Một ngày cùng con ở trường” để huy động sự tham gia của cha mẹ trẻ trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Tích cực tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ như: Ngày hội thể dục thể thao của bé, Bé làm họa sĩ, Cô và bé với đồ dùng, đồ chơi tự tạo... cho trẻ lớp 5 tuổi tham quan trường Tiểu học, doanh trại bộ đội....

- Tổ chức tốt hội thi “An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai” cấp trường và các hội thi khác do các cấp tổ chức.

- Tổ chức hoạt động “Ngày hội thể thao của Bé”; Hội thi “Cô và bé với đồ dùng, đồ chơi tự tạo” cấp trường, cấp thành phố dự kiến tháng 11 năm 2024 và tháng 3 năm 2025.

- Chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một đáp ứng yêu cầu liên thông với Chương trình lớp một: Phối hợp với gia đình, cộng đồng tuyên truyền việc trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo chương trình GDMN bảo đảm điều kiện vào học lớp một; tăng cường các giải pháp thực hiện hiệu quả các

hoạt động chuẩn bị cho trẻ sẵn sàng vào học lớp một; ***Tuyệt đối không dạy trước chương trình lớp một cho trẻ em 5 tuổi dưới mọi hình thức.***

- Triển khai có hiệu quả cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh, erobic theo quy định tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT và các văn bản của Bộ GDĐT.

3. Công tác duy trì và phát triển số lượng, phổ cập trẻ mầm non 5 tuổi

*** Chỉ tiêu:**

Phân đầu huy động trẻ 3 – 5 tuổi đến trường đạt 85-95% . Trong đó trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%; Duy trì tỷ lệ phổ cập trẻ 5 tuổi.

*** Biện pháp:**

Chỉ đạo giáo viên phối hợp với các thôn trưởng, cha mẹ trẻ rà soát cập nhật trẻ mới sinh, chuyển đi, chuyển đến đầy đủ, kịp thời; tuyệt đối không bỏ sót đối tượng trẻ trong độ tuổi trên địa bàn. Chỉ đạo giáo viên các nhóm lớp tuyên truyền trực tiếp, qua nhóm zalo của lớp tới các bậc phụ huynh để huy động trẻ trong địa bàn ra lớp đảm bảo kế hoạch giao. Hàng ngày cho trẻ đi học đều, ốm nghỉ phải xin phép giáo viên chủ nhiệm. Các nhóm lớp trang trí, tạo môi trường phong phú, thẩm mỹ thu hút trẻ đến trường.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn, lớp tổ chức tốt các hoạt động tập thể vui tươi lành mạnh thu hút trẻ đến trường, duy trì tỷ lệ chuyên cần: Hoạt động lễ hội, vui chơi, tham quan, trải nghiệm ngoài giờ học.

Chuyên môn cùng giáo viên và nhà trường, chính quyền địa phương làm tốt công tác tuyên truyền và vận động các gia đình có con em trong độ tuổi ra lớp học đúng độ tuổi.

*** Đẩy mạnh công tác phổ cập GDMN trẻ 5 tuổi:**

Tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương cùng phối hợp thực hiện.

Tăng cường công tác huy động trẻ đến trường, đối với trẻ 5 tuổi đảm bảo

Thực hiện công tác kiểm tra PCGDTNT. Hoàn thành công tác phổ cập năm 2024.

*** Biện pháp:**

Tổ chức điều tra, rà soát trẻ trong địa bàn.

Thường xuyên huy động và duy trì sĩ số các lớp ổn định.

Tuyên truyền, khuyến khích phụ huynh học sinh đưa trẻ ra lớp, học đúng theo ba độ tuổi; tạo điều kiện để trẻ khuyết tật hòa nhập, động viên trẻ dân tộc ra lớp, đi học đều.

Tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các thôn bon cùng phối hợp thực hiện.

Phối kết hợp với trường Phan Bội Châu làm công tác PCGDMNCT 5 tuổi.

4. Thực hiện các chuyên đề trọng tâm trong năm học:

Tiếp tục thực hiện chuyên đề "Xây dựng trường MN hạnh phúc lấy trẻ làm trung tâm".

Tiếp tục thực hiện chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025"

Thực hiện lồng ghép giáo dục kỹ năng sống cho trẻ thông qua lĩnh vực PTTCKNXH, mỗi chủ đề thực 1 đến 2 hoạt động và tích cực lồng ghép trong các hoạt động trong ngày cho trẻ.

Khuyến khích giáo viên lồng ghép các phương pháp steam, stem, mon... vào các hoạt động nhằm tạo hứng thú cho trẻ.

Tăng cường lồng ghép các chuyên đề giáo dục biển và hải đảo, bảo vệ và phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường, quê hương đất nước, giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm, giáo dục an toàn giao thông. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham quan qua các ngày lễ, hội, lồng ghép các nội dung giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ...Giáo dục kỹ năng sống, bình đẳng giới cho trẻ vào chương trình.

Tùy vào tình hình thực tế của lớp mà giáo viên tăng cường tiếng việt cho trẻ dân tộc thiểu số.

* **Biện pháp:** Tăng cường tổ chức các tiết chuyên đề, lồng ghép các phương pháp mới như steam, stem, mom.... trong tất cả các hoạt động giáo dục trẻ.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong GDMN, đặc biệt trong công tác quản trị, quản lý, trong tổ chức hoạt động của cơ sở GDMN. Cập nhật kịp thời đầy đủ số liệu lên phần mềm CSDL ngành; triển khai rà soát, chuẩn hóa dữ liệu ở các cấp quản lý để khai thác, sử dụng.

- Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong GDMN.

- Khuyến khích các cơ sở GDMN khai thác, sử dụng các phần mềm hỗ trợ trong công tác quản lý trường học, lập kế hoạch giáo dục, theo dõi chỉ đạo, quản lý bán trú, phần mềm dinh dưỡng của các đơn vị có uy tín, được cơ quan có thẩm quyền thẩm định để đảm bảo chất lượng quản lý.

*** Biện pháp:**

Tạo điều kiện cho giáo viên học các lớp bồi dưỡng về tin học.

6. Công tác chỉ đạo kiểm tra

Bám sát điều lệ trường mầm non để tổ chức thực hiện.

Kiểm tra các loại hồ sơ sổ sách theo quy định

Phối hợp trong BGH để thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra nội bộ, kiểm tra chuyên đề, kiểm tra công tác BDTX, kiểm tra giờ ăn, ngủ và các hoạt động khác

Thực hiện tốt quy chế kiểm tra chuyên môn trường học

Kiểm tra hồ sơ sau chủ đề.

Kiểm tra trẻ sau chủ đề

Kiểm tra hoạt động sư phạm giáo viên, số giáo viên còn lại được kiểm tra chuyên môn, chuyên đề, và các hoạt động khác.

*** Biện pháp**

Kiểm tra đột xuất, báo trước, không báo trước. Nghiêm túc thực hiện đúng đủ chế độ kiểm tra. Thực hiện nghiêm túc thông tin 2 chiều, tổ chức họp, sinh hoạt chuyên môn đúng thời gian quy định. Làm tốt công tác chủ nhiệm lớp.

Tăng cường công tác bồi dưỡng giáo viên về chuyên môn, tăng cường làm đồ dùng dạy học, đồ chơi cho trẻ, trang trí môi trường lớp học sáng tạo và khoa học tạo môi trường kích thích cho trẻ hoạt động, trải nghiệm.

Tăng cường công tác dự giờ thăm lớp. Xây dựng các tiết dạy “sáng tạo” tạo điều kiện cho giáo viên dự giờ học hỏi đồng nghiệp và các trường bạn.

Hàng tháng tổ chức họp đánh giá, nắm bắt kịp thời các thông tin phản hồi của giáo viên để cùng thảo luận bàn bạc thực hiện tối ưu, khắc phục hạn chế, tồn tại.

IV. MỤC TIÊU – NỘI DUNG GIÁO DỤC

(Được ban hành theo quyết định số 25a /QĐ-HM ngày 05 tháng 9 năm 2024 của hội đồng sư phạm trường MN Hòa Mi)

KHỐI MẦM

STTMT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
-------	----------	----------

PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

* Phát triển vận động

1	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt chéo hai tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi người về phía trước . + Quay người sang trái, sang phải. - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Bước lên phía trước, bước sang ngang, ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ + Co duỗi chân.
2	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	<ul style="list-style-type: none"> - Đi hết đoạn đường hẹp(3m x 0,2m) - Đi kiễng gót liên tục 3m - Đi bằng mép ngoài bàn chân
3	Kiểm soát được vận động	<ul style="list-style-type: none"> - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi trong đường dích dắc - Chạy liên tục trong đường dích dắc(3 -4 điếm) không chệch ra ngoài. - Bò theo hướng thẳng - Bò theo đường dích dắc - Trườn theo hướng thẳng - Trườn theo hướng dích dắc - Bò chui qua cổng - Bước lên bục cao(cao 30cm) - Bước xuống bục cao(cao 30cm)
4	Phối hợp tay – mắt trong vận động	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng(khoảng 2,5m) - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc - Lăn bóng đi theo bóng - Tự đập – bắt bóng 3 lần liên (đường kính bóng 18cm) - Tung bóng lên cao và bắt bóng

5	Thể hiện nhanh mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng - Ném xa bằng 1 tay - Ném trúng đúng đích ngang (xa 1,5m) - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài
6	Thực hiện được các vận động	<ul style="list-style-type: none"> - Xoay tròn cổ tay - Gập, đan ngón tay vào nhau - Bật tại chỗ - Bật về phía trước - Bật xa 25 - 30cm - Cuộn cổ tay - Ngồi xổm, đứng lên liên tục - Co duỗi từng chân
7	Phối hợp các cử động bàn tay, ngón tay	<ul style="list-style-type: none"> - Xếp chồng 8-10 khối - Tự cởi cài cúc áo - Xé dán giấy.
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
8	Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh(thịt cá trứng sữa, rau, ...)	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.
9	Biết tên một số món ăn hằng ngày: trứng rán, rau, cá kho, canh rau	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ chất
10	Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận, ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
11	Sử dụng bát thìa đúng cách	Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.
12	Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen cách đánh răng. - Tập rửa tay bằng xà phòng - Thực hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ vệ sinh - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo.
13	Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở:	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống - ăn chín , uống nước đã đun sôi

	uống nước đã đun sôi	
14	Có một số hành vi tốt trong phòng bệnh khi được nhắc nhở	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường, đối với sức khỏe con người
15	Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng..) khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
16	Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa, nước, giếng hồ vôi...)khi được nhắc nhở	Nhận biết và tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở
17	Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở	<ul style="list-style-type: none"> - Không tự lấy thuốc uống - Không leo trèo, bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp.
18	Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt	- Không cười nói khi ăn, uống.

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

* Khám phá khoa học

19	Quan tâm hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng: hay đặt câu hỏi về đối tượng	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện tượng nắng mưa, nóng lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày
20	Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.

	đối tượng	
21	Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát tìm hiểu đối tượng	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất đá sỏi
22	Thu thập thông tin về các đối tượng bằng cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng	- Đặc điểm nổi bật, công dụng đồ dùng, đồ chơi
23	Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.
24	Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật – cây quen thuộc với môi trường sống của chúng
25	Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo	- Đặc điểm nổi bật và lợi ích của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc
25	Thể hiện một số điều quan sát qua các hoạt động chơi, âm nhạc tạo hình	Trẻ thể hiện một số điều quan sát qua các hoạt động chơi, âm nhạc tạo hình
* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
27	Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng	- 1 và nhiều
28	- Đếm trên đối tượng giống nhau và đếm đến 5	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng
29	So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau.	- Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
30	Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm

31	Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
32	Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi. - Xếp xen kẽ
33	So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau	- So sánh 2 đối tượng về kích thước
34	Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình có trong thực tế - Sử dụng các hình học để lắp ghép
35	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải – tay trái
* Khám phá xã hội		
36	Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân
37	Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình	- Tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình
38	Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình
39	Nói được tên trường/ lớp một số công việc của cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
40	Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng.... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và lợi ích của một số nghề phổ biến
41	Kể tên một số lễ hội	- Trẻ kể tên được một số lễ hội của địa phương - Trẻ kể tên được một số lễ hội: Ngày

		khai giảng, tết trung thu, qua trò chuyện, tranh ảnh
42	Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương	Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
43	Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản
44	Hiểu từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả..	- Hiểu các từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc
45	Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại	- Trả lời và đặt câu hỏi: “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “Khi nào?”.
46	Nói rõ các tiếng	- Phát âm các tiếng của Tiếng Việt
47	Sử dụng các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ
48	Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng.
49	Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
50	Đọc thuộc bài thơ ca dao, đồng dao.	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi
51	Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Kể lại sự việc
52	Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên
53	Sử dụng các từ “Vâng ạ”; “	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép “Vâng

	Dạ”; “ Thưa”,... trong giao tiếp	ạ”; “ Dạ”; “ Thưa”,...
54	Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí.
55	Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ: đọc, ngắt nghỉ sau các dấu.âm sách đúng chiều, mở sách xem tranh và “ đọc” truyện. - Biết giữ gìn sách
56	Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh
57	Thích vẽ, “ viết” nguệch ngoạc. Làm quen với một số chữ cái	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ....) - Trẻ cầm bút và vẽ, “ viết” nguệch ngoạc theo ý thích - Viết từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. - Trẻ làm quen với một số chữ cái .
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
58	Nói được tên tuổi, giới tính của bản thân	- Trẻ biết tên, tuổi, giới tính của mình.
59	Nói được bé thích, không thích	- Bé nói được những điều bé thích, bé không thích.
60	Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn trả lời câu hỏi	- Trẻ mạnh dạn khi tham gia vào các hoạt động, tự tin trả lời các câu hỏi của cô
61	Cố gắng công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi..)	- Trẻ cố gắng thực hiện tốt công việc được giao.
62	Nhận ra cảm xúc vui buồn,	- Trẻ nhận biết một số cảm xúc vui buồn,

	sợ hãi tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	sợ hãi tức giận
63	Biết biểu lộ cảm xúc: vui buồn, sợ hãi, tức giận	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui buồn, sợ hãi, tức giận
64	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ	- Bé kính yêu Bác hồ
65	Thích nghe kể chuyện tranh ảnh về Bác Hồ	- Bé thích nghe kể chuyện tranh ảnh, đọc thơ về Bác Hồ - Quan tâm hình ảnh cảnh đẹp, lễ hội, quê hương đất nước.
66	Thực hiện một số quy định, ở lớp và gia đình	- Trẻ thực hiện tốt quy định ở lớp, gia đình sau khi chơi, xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ,
67	Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở	- Trẻ thể hiện cử chỉ lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn)
68	Chú ý nghe khi cô, bạn nói	- Trẻ chú ý nghe cô, bạn nói - Biết chờ đến lượt
69	Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	- Trẻ chơi hòa thuận với bạn. - Nhận biết được hành vi đúng sai, tốt xấu.
70	Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây	- Bảo vệ và chăm sóc con vật và cây cối
71	Bỏ rác đúng nơi quy định, tiết kiệm điện nước	- Trẻ biết tiết kiệm điện nước, giữ gìn vệ sinh môi trường
PHÁT TRIỂN THẨM MĨ		
72	Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng	- Trẻ bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc, gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng, trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
73	Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc.) thích nghe đọc thơ ca dao đồng dao; tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện	- Trẻ được nghe các bài hát, bản nhạc, (nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca)
74	Vui sướng, chỉ, sờ ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi	- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật(về màu sắc, hình dáng....) của tác

	bật của tác phẩm tạo hình	phẩm tạo hình.
75	Hát tự nhiên, hát theo được giao điệu bài hát quen thuộc	- Trẻ hát đúng giai điệu lời ca bài hát
76	Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc(vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm. theo phách, nhịp.
77	Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm
78	Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành các bức tranh đơn giản.	- Sử dụng kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản
79	Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	- Sử dụng kỹ năng Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản
80	Lăn dọc, xoay tròn, ầm dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có một khối hoặc hai khối	- Sử dụng kỹ năng lăn dọc, xoay tròn, ầm dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có một khối hoặc hai khối
81	Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách, tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	- Trẻ biết sử dụng xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách, tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.
82	Nhận xét các sản phẩm tạo hình	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình
83	Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc	- Trẻ vận động ý thích khi hát, nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc
84	Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Trẻ tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích
85	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Trẻ đặt tên cho sản phẩm tạo hình

KHÓI CHÒI

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
Phát triển vận động		

1	Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi người về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay người sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Nhún chân. + Ngồi xổm đứng lên bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
2	Giữ thăng bằng cơ thể khi vận động	<ul style="list-style-type: none"> - Đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m - Đi bằng gót chân - Đi khuyu gối - Đi nổi bàn chân tiến - lùi
3	Kiểm soát được vận động	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục trong đường zíc zắc (4-5 điềm) - Chạy thay đổi hướng theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi thay đổi hướng theo hiệu lệnh - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.
4	Phối hợp tay, mắt trong vận động tung, ném bắt	<ul style="list-style-type: none"> - Tung, bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): (khoảng cách 3 m). - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Ném trúng đích nằm ngang (xa 2m) - Ném trúng đích thẳng đứng (xa 1,5m x cao 1,2m) - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay - Lăn bóng bằng hai tay và di chuyển theo bóng

		- Đập và bắt bóng tại chỗ
5	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong bài tập	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy 15m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm 60-80m. - Bật liên tục về phía trước - Bật xa 35 - 40cm. - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - Bật tách chân, khếp chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. - Nhảy lò cò 3 m - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4- 5m. - Bò trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc cách nhau 2m) không chệch ra ngoài - Bò chui qua cổng (ống dài 1,2m x 0,6m). - Trườn theo hướng thẳng. - Trườn trong đường dích dắc. - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 gióng thang. - Chuyển bóng qua trái, qua phải - Chuyển bóng qua đầu, qua chân.
6	Thực hiện các vận động.	<ul style="list-style-type: none"> - Cuộn – xoay tròn cổ tay - Gập mở các ngón tay - Gập giấy - Vo, xoáy xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi,...
7	Phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng lắp ráp 10 đến 12 khối - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng - Biết tết sợi đôi - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.
* Giáo dục dinh dưỡng		
8	Biết một số thực phẩm cùng nhóm:	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. Rau, quả chín có nhiều vitamin

9	Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản:	<ul style="list-style-type: none"> - Biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Các món ăn quen thuộc ở trường mầm non, ở gia đình.
10	Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tia chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì,...)
11	Thực hiện một số công việc khi được nhắc nhở.	<ul style="list-style-type: none"> - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự đánh răng, lau mặt. - Hướng dẫn trẻ biết cầm lược chải đầu - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết - Lợi ích của mặc trang phục phù hợp với hợp với thời tiết.
12	Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.
13	Có một số hành vi tốt trong ăn uống	<ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và nhiều loại thức ăn khác. - Không uống nước lã
14	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh	<ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản

15	Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm không đến gần. Không tự chơi với những đồ vật sắc nhọn, điện, vật nóng.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
16	Nhận ra những nơi như ao, hồ, mương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm không được chơi gần	- Nhận ra những nơi như ao, hồ, mương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm không được chơi gần
17	Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt. - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo
18	Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ	- Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
* Khám phá khoa học		
19	Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh	- Các nguồn nước trong môi trường sống - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước,.
20	Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm,.. để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng và các giác quan khác của các bộ phận trên cơ thể
21	Làm thử nghiệm và sử dụng dụng cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.

22	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
23	Phân loại các đối tượng theo 2-3 dấu hiệu	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại các theo 1-2 dấu hiệu
24	Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và hướng của nó đến sinh hoạt của con người.
25	Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	- Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - So sánh sự giống và khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu.
26	Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2 con vật, cây hoa, quả. - Phân loại hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây
27	Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động âm nhạc, chơi, tạo hình,	Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động âm nhạc, chơi, tạo hình,
* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
28	Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: Bao nhiêu; là	Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: Bao nhiêu; là số mấy, ...

	số mấy, ...	
29	Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau.	- Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau, nói được các từ: nhiều hơn ít hơn
30	Gộp, tách hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói được kết quả	- Gộp, Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn và đếm
31	Sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.
32	Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày: số xe, số nhà, số cấp cứu..
33	Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1- 1 - So sánh phát hiện các qui tắc sắp xếp và sắp theo qui tắc.
34	Sử dụng dụng cụ để đo độ dài dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo
35	Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình (Hình tròn và tam giác; hình vuông và hình chữ nhật; ...)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: Hình tròn, tam giác, hình vuông, hình chữ nhật.
36	Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
37	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).
38	Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày	- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối
c. Khám phá xã hội		
39	Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Tên, tuổi, giới tính. - Sở thích, khả năng của bản thân.
40	Nói họ, tên và công việc của	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những

	bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình.
41	Nói địa chỉ của gia đình mình	- Tên, địa chỉ gia đình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.
42	Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường, lớp.
43	Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác công nhân viên ở trường.
44	Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
45	Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi,...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương
46	Kể tên và nói đặc điểm một số ngày lễ, hội ở địa	Trẻ kể tên và nói đặc điểm một số ngày lễ hội, phong tục của địa phương nơi trẻ sống
47	Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
48	Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu
49	Hiểu nghĩa từ khái quát: rau, quả, con vật, đồ gỗ,...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm
50	Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Trả lời các câu hỏi: “Ai?”, “Cái gì?”, “Ở đâu?”, “Khi nào?”, “Để làm gì?”
51	Nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.
52	Sử dụng các từ chỉ sự vật, đặc điểm, hoạt động	- Biết sử dụng các từ chỉ sự vật, đặc điểm, hoạt động

53	Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép.	<ul style="list-style-type: none"> - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của mình trong giao tiếp bằng các câu đơn, câu ghép. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
54	Kể lại sự việc theo trình tự.	<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.
55	Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, ...	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè.
56	Kể truyện có mở đầu, kết thúc	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Kể lại truyện đã được nghe
57	Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng kịch.
58	Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
59	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	<ul style="list-style-type: none"> - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
60	Chọn sách để xem	<ul style="list-style-type: none"> - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Giữ gìn và bảo vệ sách.
61	Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.
62	Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa	<ul style="list-style-type: none"> - “Đọc” truyện qua tranh vẽ - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách..
63	Nhận dạng một số chữ cái	<ul style="list-style-type: none"> - Cho trẻ làm quen với các chữ cái trong bảng chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ
64	Nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)

65	Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.
IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
66	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, của bố mẹ.
67	Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân
68	Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.
69	Cố gắng hoàn thành công việc được giao	- Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)
70	Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.
71	Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
72	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.
73	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể truyện về Bác Hồ	- Kính yêu Bác Hồ
74	Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước
75	Thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình	Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng
76	Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.
77	Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.

78	Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Biết chờ đến lượt, biết hợp tác khi tham gia vào các hoạt động.
79	Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung	- Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung: chơi, trực nhật, ...
80	Thích chăm sóc cây cối, con vật. Không bẻ cành ngắt lá	- Bảo vệ và chăm sóc cây cối, con vật. Trẻ biết không bẻ cành ngắt lá cây, hoa
81	Bỏ rác đúng nơi qui định	- Giữ gìn vệ sinh môi trường
82	- Không để tràn nước khi rửa tay, khóa vòi nước sau khi dùng; không để thừa thức ăn; tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng, ...	Tiết kiệm điện nước
PHÁT TRIỂN THẨM MĨ		
83	Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
84	Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).
85	Thích thú, ngắm, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	Trẻ miêu tả về hình dáng, màu sắc....
86	Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ....
87	Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức. Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách,	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.

	nhịp, tiết tấu	
88	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.
89	Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét, bố cục.
90	Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng cắt, xé dán... để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét, bố cục
91	Làm lồi, dẹt, bẹt, bẻ, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	- Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có hình dáng, đường nét, màu sắc.
92	Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có hình dáng, đường nét, màu sắc
93	Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.
94	Lựa chọn, thể hiện hình thức vận động theo bài hát theo bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện hình thức vận động theo bài hát, theo bản nhạc.
95	Lựa chọn dụng cụ đệm để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát	Sử dụng các dụng cụ gõ đệm để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.
96	Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích, đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Đặt tên cho sản phẩm của mình.

CHỖI GHÉP

STTMT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		

<p>1</p>	<p>+ 3 tuổi: Thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn. + 4 tuổi: Thực hiện đúng đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi người về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay người sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Nhún chân. + Ngồi xổm đứng lên bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
<p>2</p>	<p>+ 3 tuổi: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động. + 4 tuổi: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m - Đi bằng gót chân - Đi khuyu gối - Đi nổi bàn chân tiến - lùi
<p>3</p>	<p>+3 tuổi Kiểm soát được vận động +4 tuổi Kiểm soát được vận động</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục trong đường zíc zắc (4-5 điểm) - Chạy thay đổi hướng theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi thay đổi hướng theo hiệu lệnh - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.
<p>4</p>	<p>+ 3 tuổi: Phối hợp tay – mắt trong vận động. + 4 tuổi: Phối hợp tay – mắt trong vận động.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tung, bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): (khoảng cách 3 m). - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Ném trúng đích nằm ngang (xa 2m) - Ném trúng đích thẳng đứng (xa 1,5m x cao 1,2m) - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay - Lăn bóng bằng hai tay và di chuyển theo bóng

		- Đập và bắt bóng tại chỗ
5	+ 3 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện các bài tập tổng hợp. +4 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện các bài tập tổng hợp.	- Chạy 15m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm 60-80m. - Bật liên tục về phía trước - Bật xa 35 - 40cm. - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - Bật tách chân, khếp chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. - Nhảy lò cò 3 m - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4- 5m. - Bò trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc cách nhau 2m) không chệch ra ngoài - Bò chui qua cổng (ống dài 1,2m x 0,6m). - Trườn theo hướng thẳng. - Trườn trong đường dích dắc. - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 giống thang. - Chuyển bóng qua trái, qua phải - Chuyển bóng qua đầu, qua chân.
6	+ 3 tuổi: Thực hiện các vận động. + 4 tuổi: Thực hiện các vận động.	- Cuộn – xoay tròn cổ tay - Gập mở các ngón tay - Gập giấy - Vo, xoáy xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi,...
7	+ 3 tuổi: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động. + 4 tuổi: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động.	- Xây dựng lắp ráp 10 đến 12 khối - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng - Biết tết sợi đôi - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.
Giáo dục dinh dưỡng		
8	+ 3 tuổi: Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi	- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm quen thuộc (Thịt, cá, trứng,

	nhìn vào vật thật hoặc tranh ảnh. + 4 tuổi: Biết một số thực phẩm cùng nhóm.	sữa, rau). - Thịt, cá có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.
9	+ 3 tuổi: Biết tên một số món ăn hàng ngày. + 4 tuổi: Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.	- Biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.
10	+ 3 tuổi: Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + 4 tuổi: Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết được các bữa ăn trong ngày và lợi ích của việc ăn uống đủ lượng, đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật.(ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì.....)
11	+ 3 tuổi: Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn. + 4 tuổi: Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở	- Tập đánh răng, lau mặt. Tự rửa tay bằng xà phòng. - Tự thay quần áo khi bị ướt bẩn. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Hướng dẫn trẻ biết cầm lược chải đầu. - Biết thay quần áo gọn gàng
12	+ 3 tuổi: Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. + 4 tuổi: Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.
13	+ 3 tuổi: Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở. + 4 tuổi: Có một số hành vi tốt trong ăn uống.	- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức

		khỏe con người.
14	+ 3 tuổi: Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở. + 4 tuổi: Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.
15	+ 3 tuổi: Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở. + 4 tuổi: Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc, nhọn không nên nghịch.	- Không sờ tay vào ổ điện, bàn là bếp đang đun, phích nước nóng. - Biết những đồ vật sắc nhọn không nên nghịch.
16	+ 3 tuổi: Biết tránh nơi nguy hiểm hiểm khi được nhắc nhở. + 4 tuổi: Trẻ nhận ra những nơi nguy hiểm.	- Nhận ra những nơi nguy hiểm như hồ ao, mương, nước, suối, bể chứa nước...không được chơi.
17	+ 3 tuổi: Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở. + 4 tuổi: Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các quả có hạt. - Không ăn thức ăn có mùi ôi. - Không ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.
18	+ 3 tuổi: Biết gọi người giúp đỡ. + 4 tuổi: Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	- Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp như: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
* Khám phá khoa học		

<p>19</p>	<p>+ 3 tuổi: Quan tâm hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi. + 4 tuổi: Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các nguồn nước trong môi trường sống - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước,.
<p>20</p>	<p>+ 3 tuổi: Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng. + 4 tuổi: Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng các giác quan và bộ phận khác của cơ thể.
<p>21</p>	<p>+ 3 tuổi: Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. + 4 tuổi: Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
<p>22</p>	<p>+ 3 tuổi: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo. + 4 tuổi: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
<p>23</p>	<p>+ 3 tuổi: Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. + 4 tuổi: Phân loại các đối tượng theo một dấu hoặc hai hiệu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại các theo 1-2 dấu hiệu
<p>24</p>	<p>+ 3 tuổi: Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sự khác nhau giữa ngày và đêm - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và hướng của nó đến sinh hoạt của con người.

	+ 4 tuổi: Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	
25	+ 3 tuổi: Biết sử dụng hình thức để giải quyết vấn đề đơn giản. + 4 tuổi: Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	- Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - So sánh sự giống và khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu.
26	+ 3 tuổi: Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. + 4 tuổi: Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng quan sát.	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2 con vật, cây hoa, quả. - Phân loại hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây
27	+ 3 tuổi: Thể hiện một số điều qua sát được qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình. + 4 tuổi: Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động âm nhạc, chơi, tạo hình,
* Làm quen với toán		
28	+ 3 tuổi: Quan tâm đến số lượng và đếm. + 4 tuổi: Quan tâm đến chữ số, số lượng. Nhận biết các con số sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: Bao nhiêu; là số mấy, ...

<p>29</p>	<p>+ 3 tuổi: Đếm, so sánh số lượng hai nhóm trên đối tượng giống nhau và đếm đến 5. + 4 tuổi: Đếm, so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</p>	<p>- Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau, nói được các từ: nhiều hơn ít hơn</p>
<p>30</p>	<p>+ 3 tuổi: Biết tách gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. + 4 tuổi: Tách, gộp hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.</p>	<p>- Gộp, Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn và đếm</p>
<p>31</p>	<p>+ 3 tuổi: Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.. + 4 tuổi: Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự..</p>	<p>- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.</p>
	<p>+ 3 tuổi: Biết các con số + 4 tuổi: Nhận biết ý nghĩa các con số trong cuộc sống hằng ngày</p>	<p>- Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày: số xe, số nhà, số cấp cứu..</p>
<p>32</p>	<p>+ 3 tuổi: So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn -nhỏ hơn; dài hơn –ngắn hơn; cao hơn –thấp hơn; bằng nhau. + 4 tuổi: Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.</p>	<p>- So sánh hai đối tượng về kích thước: to hơn -nhỏ hơn; dài hơn – ngắn hơn; cao hơn –thấp hơn; bằng nhau. - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.</p>
<p>33</p>	<p>+ 3 tuổi: Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và sao chép lại. + 4 tuổi: Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.</p>	<p>- Xếp tương ứng 1- 1 - So sánh phát hiện các qui tắc sắp xếp và sắp theo qui tắc.</p>

34	+ 3 tuổi: Nhận dạng và gọi tên các hình. + 4 tuổi: Chỉ ra các điểm giống và khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật).	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình; Hình vuông và hình chữ nhật; hình tròn và hình tam giác.
35	+ 4 tuổi: Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu..
36	+ 3 tuổi: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân. + 4 tuổi: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).
37	+ 4 tuổi: Mô tả sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: sáng –trưa – chiều –tối.
* Khám phá xã hội		
38	+ 3 tuổi: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân + 4 tuổi: Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ, Tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài. Sở thích của bản thân.
39	+ 3 tuổi: Nói được tên các thành viên trong gia đình. + 4 tuổi: Nói họ và tên, và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ của gia đình.
40	+ 3 tuổi: Nói địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình + 4 tuổi: Nói địa chỉ của gia đình mình.	- Tên, địa chỉ gia đình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.
41	+ 3 tuổi: Nói tên và địa chỉ của trường, lớp, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường, lớp. - Họ tên và một số đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.

	+ 4 tuổi: Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi trò chuyện.	
42	+ 3 tuổi: Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. + 4 tuổi: Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên và công việc của cô giáo và các cô, các bác ở trường mầm non.
43	Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
44	+ 3 tuổi: Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng...khi được hỏi, xem tranh. + 4 tuổi: Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm lợi ích của một số nghề.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến nghề truyền thống của địa phương.
45	+ 3 tuổi: Kể tên được một số ngày lễ hội, ngày khai giảng, tết trung thu...qua trò chuyện tranh ảnh. + 4 tuổi: Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	Trẻ kể tên và nói đặc điểm một số ngày lễ hội, phong tục của địa phương nơi trẻ sống
46	+ 3 tuổi: Kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương. + 4 tuổi: Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
47	+ 3 tuổi: Thực hiện được yêu cầu đơn giản. + 4 tuổi: Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. - Nghe hiểu nội dung câu đơn, câu mở rộng, câu phức.

<p>48</p>	<p>+ 3 tuổi: Hiểu được từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa quả... + 4 tuổi: Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát.</p>	<p>- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm</p>
<p>49</p>	<p>+ 3 tuổi: Lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối thoại. + 4 tuổi: Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.</p>	<p>- Trả lời các câu hỏi: “Ai?”, “Cái gì?”, “Ở đâu?”, “Khi nào?”, “Để làm gì?”</p>
<p>50</p>	<p>+ 3 tuổi: Nói rõ các tiếng. + 4 tuổi: Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.</p>	<p>- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.</p>
<p>51</p>	<p>+ 3 tuổi: Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm. + 4 tuổi: Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.</p>	<p>Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm....</p>
<p>52</p>	<p>+ 3 tuổi: Sử dụng được các các loại câu đơn giản, câu ghép + 4 tuổi: Sử dụng được các các loại câu đơn giản, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.</p>	<p>- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của mình trong giao tiếp bằng các câu đơn, câu ghép. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.</p>
<p>53</p>	<p>+ 3 tuổi: Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân. Sử dụng được câu đơn, câu ghép + 4 tuổi: Kể lại sự việc theo trình tự.</p>	<p>- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.</p>
<p>54</p>	<p>+ 3 tuổi: Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... + 4 tuổi: Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...</p>	<p>- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè.</p>
<p>55</p>	<p>+ 3 tuổi: Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. + 4 tuổi: Kể truyện có mở đầu kết thúc.</p>	<p>- Kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự.</p>

56	+ 3 tuổi: Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện. + 4 tuổi: Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch.
57	+ 3 tuổi: Sử dụng các từ “vâng ạ”, “dạ”, “thưa”...trong giao tiếp. + 4 tuổi: Sử dụng các từ phù hợp trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
58	+ 3 tuổi: Nói đủ nghe, không nói lí nhí. + 4 tuổi; Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
59	+ 3 tuổi: Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh. + 4 tuổi; Chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Giữ gìn và bảo vệ sách.
60	+ 3 tuổi: Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh. + 4 tuổi: Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.
61	+ 3 tuổi: Thích vẽ nguệch ngoạc. + 4 tuổi: Cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem, đọc theo tranh ảnh minh họa.	- Hướng đọc, viết: từ trái qua phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách
62	+ 3 tuổi: Làm quen một số chữ cái + 4 tuổi; Nhận dạng một số chữ cái.	- Cho trẻ làm quen với các chữ cái trong bảng chữ cái. - Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.
63	+ 4 tuổi: Làm quen với các hướng viết các nét chữ. Sử dụng ký hiệu để viết tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	- Tô màu chữ rỗng, tập tô, tập đồ các nét chữ. - Hướng viết của các nét chữ, đọc, ngắt nghỉ sau các dấu.
64	+ 3 tuổi: Nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:

	vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) + 4 tuổi: Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống.	+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
65	+ 3 tuổi: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. + 4 tuổi: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, của bố mẹ.
66	+ 3 tuổi; Nói được điều bé thích, không thích. + 4 tuổi: Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân
67	+ 3 tuổi: Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. + 4 tuổi: Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.
68	+ 3 tuổi: Cố gắng thực hiện công việc giản được giao. + 4 tuổi: Cố gắng hoàn thành công việc được giao.	- Cố gắng hoàn thành công việc được giao: trực nhật, dọn đồ chơi.
69	+ 3 tuổi: Nhận ra cảm xúc. + 4 tuổi: Nhận biết cảm xúc.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt cử chỉ giọng nói tranh ảnh...
70	+ 3 tuổi: Biết biểu lộ một số cảm xúc. + 4 tuổi: Biết biểu lộ một số cảm xúc.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
71	+ 3 tuổi: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ. Kính yêu Bác Hồ. + 4 tuổi: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ.	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ qua tranh ảnh, tivi...
72	+ 3 tuổi: Thích nghe kể chuyện, nghe hát đọc thơ xem	- Kính yêu Bác Hồ

	<p>tranh ảnh về Bác Hồ, về quê hương đất nước.</p> <p>+ 4 tuổi: Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ.</p>	
73	<p>+ 3 tuổi: Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.</p> <p>+ 4 tuổi: Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.</p>	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước
74	<p>+ 3 tuổi: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình.</p> <p>+ 4 tuổi: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình</p>	Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường; vâng lời ông bà bố mẹ, cô giáo,...)
75	<p>+ 3 tuổi: Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi, khi được nhắc nhở.</p> <p>+ 4 tuổi: Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.</p>	- Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.
76	<p>+ 3 tuổi: Chú ý khi cô và bạn nói.</p> <p>+ 4 tuổi: Chú ý nghe khi cô và bạn nói.</p>	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép
77	<p>+ 3 tuổi: Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.</p> <p>+ 4 tuổi: Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.</p>	- Biết chờ đến lượt, biết hợp tác khi tham gia vào các hoạt động.
78	<p>+ 3 tuổi: Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.</p> <p>+ 4 tuổi; Biết trao đổi, thảo luận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung.</p>	- Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung: chơi, trực nhật, ...

79	+ 3 tuổi: Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây + 4 tuổi: Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ và chăm sóc cây cối, con vật. Trẻ biết không bẻ cành ngắt lá cây, hoa
80	+ 3 tuổi: Bỏ rác đúng nơi quy định. + 4 tuổi: Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Bỏ rác đúng nơi quy định. Giữ gìn vệ sinh môi trường.
81	+ 3 tuổi: Không bẻ cành, bứt hoa. + 4 tuổi: Không bẻ cành, bứt hoa.	- Trẻ không bẻ cành ngắt lá...
82	+ 3 tuổi: Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. + 4 tuổi: Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	Tiết kiệm điện nước

PHÁT TRIỂN THẨM MĨ

83	+ 3 tuổi: Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. + 4 tuổi: Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của bản thân.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
84	+ 3 tuổi: Chú ý nghe, thích được hát theo vỗ tay, nhún nhảy lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện. + 4 tuổi: Chú ý nghe, thích	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).

	thú theo bài hát, bản nhạc, thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	
85	+ 3 tuổi: Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và các từ gợi cảm nói lên nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật của các tác phẩm tạo hình. + 4 tuổi: Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	Trẻ miêu tả về hình dáng, màu sắc....
86	+ 3 tuổi: Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. + 4 tuổi: Hát đúng giai điệu.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ....
87	+ 3 tuổi: Vận động theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa) + 4 tuổi: Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.
88	+ 3 tuổi: Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. + 4 tuổi: Trẻ phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.
89	+ 3 tuổi: Vẽ các nét thẳng,	- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản

	<p>xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.</p> <p>+ 4 tuổi: Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.</p>	<p>phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét, bố cục.</p>
90	<p>+ 3 tuổi: Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.</p> <p>+ 4 tuổi; Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc.</p>	<p>- Sử dụng các kỹ năng cắt, xé dán... để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét, bố cục</p>
91	<p>+ 3 tuổi: Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có một khối hoặc hai khối.</p> <p>+ 4 tuổi: Làm lõm, ấn bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.</p>	<p>- Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có hình dáng, đường nét, màu sắc.</p>
92	<p>+ 3 tuổi: Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.</p> <p>+ 4 tuổi: Trẻ phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.</p>	<p>- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có hình dáng, đường nét, màu sắc</p>
93	<p>+ 3 tuổi: Nhận xét các sản phẩm tạo hình. Đặt tên cho sản phẩm của mình.</p> <p>+ 4 tuổi: Nhận xét các sản phẩm tạo hình.</p>	<p>- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.</p>
94	<p>+ 3 tuổi: Lựa chọn và thể hiện hình thức vận động</p>	<p>- Lựa chọn, thể hiện hình thức vận động theo bài hát, theo bản nhạc.</p>

	theo bài hát. + 4 tuổi: Lựa chọn và thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc, lựa chọn dụng cụ gõ đệm theo nhịp và tiết tấu bài hát.	
95	Lựa chọn dụng cụ đệm để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát	Sử dụng các dụng cụ gõ đệm để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.
96	Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Đặt tên cho sản phẩm của mình.

KHỐI LÁ

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
Phát triển vận động		
1	Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài tập thể dục theo hiệu lệnh hoặc nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	<ul style="list-style-type: none"> - Tay: + Đưa hai tay lên cao, ra trước, sang hai bên (kết hợp với vẫy bàn tay. Xoay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. - Lung- bụng- lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp giơ tay lên cao chân bước sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông chân bước sang phải sang trái. - Chân: Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về sau. + Nhảy lên đưa hai chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về trước.
2	Giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:	<ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy: + Đi bằng mép ngoài bàn chân. + Đi khụy gối + Đi nổi bàn chân tiến lùi. + Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát.

		<ul style="list-style-type: none"> + Đi trên dây + Đi bằng mũi bàn chân + Đứng giữ 1 chân và giữ thẳng người trong 10 giây.
3	Kiểm soát vận động	<ul style="list-style-type: none"> - Đi chạy: + Chạy đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Chạy đổi hướng dích dắc theo hiệu lệnh. + Chạy 18m trong khoảng 10 giây + Chạy chậm 100 - 120m.
4	Phối hợp tay mắt trong vận động.	<ul style="list-style-type: none"> + Tung bóng lên cao và bắt bóng. + Ném xa bằng 1 tay, hai tay. + Ném xa bằng hai tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Ném trúng đích bằng hai tay. + Ném trúng đích nằm ngang. + Ném trúng đích thẳng đứng. + Bắt và ném bóng với người đối diện. + Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp. + Lăn bóng và đi theo bóng + Chuyển, bắt bóng qua đầu- qua chân. + Chuyển, bắt bóng qua trái- qua phải.
5	Thể hiện nhanh mạnh khéo trong các bài tập tổng hợp.	<ul style="list-style-type: none"> + Bật liên tục vào vòng. + Bật tách khớp chân vào 7 ô. + Bật nhảy từ trên cao xuống (40-45cm). + Bật qua vật cản 15 – 20 cm. + Nhảy lò cò 5m. + Bật xa 40-50cm. + Bò bằng bàn chân bàn tay qua 4-5m + Bò bằng bàn tay và cẳng chân + Bò bằng dích dắc qua 7 điểm. + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5-30cm. + Trèo lên 7 giống thang.
6	Thực hiện được các vận động	<ul style="list-style-type: none"> - Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay - Gập mở làm lướt từng ngón tay.
7	Phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-	Vẽ và sao chép các chữ cái, chữ số cắt dọc theo đường viền của hình vẽ. Xếp chồng 12-15 khối.

	mắt trong 1 hoạt động.	Khối theo mẫu- ghép và dán hình đã cắt theo mẫu, tự cài, cời cúc khâu dây dài, tự cài dây dếp, kéo khóa.
Dinh dưỡng và sức khỏe		
8	Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:	<ul style="list-style-type: none"> - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...
9	Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến thức ăn đơn giản	<ul style="list-style-type: none"> - Rau luộc, nấu canh - Gạo nấu cơm -Thịt luộc , kho...
10	Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết phân biệt một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
11	Thực hiện một số công việc đơn giản	<ul style="list-style-type: none"> - Tự rửa tay bằng xà phòng: Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong giội/ giặt nước cho sạch.
12	Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống	<ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn - Không đùa nghịch làm đổ vãi thức ăn - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau - Không uống nước lã, quà vặt ngoài đường
13	Sử dụng đồ dùng ăn uống thành thạo	- Trẻ sử dụng đồ dùng trong ăn uống một cách thành thạo.
14	Biết hút thuốc lá có hại và không lại gần người đang hút thuốc. (Chỉ số 26)	<ul style="list-style-type: none"> - Khi hỏi về tác hại của thuốc lá, trẻ trả lời: hút thuốc lá là độc/ hại. - Trẻ bày tỏ thái độ không đồng tình và cách

		<p>bảo vệ sức khỏe của mình qua tranh, ảnh, thực tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tránh chỗ có người hút thuốc.
15	<p>Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.
16	<p>Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Nhận ra được tác hại của 1 số việc gây nguy hiểm. + Tránh và không chơi với đồ chơi, đồ dùng gây nguy hiểm.
17	<p>Biết những nơi như: Hồ, ao, bể chứa nước...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm.</p>	<p><i>* Khi gặp nguy hiểm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kêu cứu - Gọi người lớn, nhờ bạn gọi người lớn - Hành động tự bảo vệ.
18	<p>Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...
19	<p>Nhận biết nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh</p>	<p>Biết cuồi đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc và sặc</p> <p>Biết không tự ý uống thuốc</p> <p>- Biết: Ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá quả dễ bị ngộ độc, uống rượu bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe</p>
20	<p>Nhận biết được một số trường hợp không an toàn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã

	và gọi người giúp đỡ.	chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn. + Ra khỏi nhà khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo...
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
a, Khám phá khoa học		
21	Tò mò, tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa, tại sao có nắng...?	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây cối - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
22	Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả...và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	- Đặc điểm, lợi ích của tác hại con vật, cây, hoa, quả.. - Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây con vật. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của cây, con vật, hoa quả, con vật.... - Phân loại cây hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây, với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ cây.
23	Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát So sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.	- Trẻ thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước, theo dõi và so sánh sự phát triển.
24	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau	- Trẻ xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.
25	Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu

26	Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự theo mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây cối theo mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng
27	Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau	- Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau
28	Nhận xét, thảo luận về đặc điểm về sự giống và khác nhau của các đối tượng được quan sát.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc. - So sánh sự giống nhau và khác của đồ dùng đồ chơi. - Phân loại đồ dùng đồ chơi - Đặc điểm công dụng của đồ dùng đồ chơi, phương tiện giao thông.
29	Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	- Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.
30	Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng. (<i>Chỉ số 96</i>)	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói được công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hàng ngày. - Trẻ nhận ra đặc điểm chung về công dụng, chất liệu của 3 (hoặc 4) đồ dùng. - Gọi tên và phân nhóm theo công dụng hoặc chất liệu theo yêu cầu.
31	Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. (<i>Chỉ số 95</i>)	<ul style="list-style-type: none"> - Đoán được hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo. - Giải thích dự đoán của mình
b, Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.		
32	Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và	Trẻ hỏi “Bao nhiêu”, “Đây là mấy”...

	đếm.	
33	Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
34	So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả	- Trẻ biết bằng nhau, nhiều nhất, ít nhất, nhiều hơn.
35	Gộp/tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm bằng các cách khác nhau.	- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
36	Nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Trẻ nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.
37	Nhận Biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày	- Trẻ nhận biết các con số qua số nhà, biển số xe, số điện thoại.....
38	Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.
39	Nhận ra quy tắc sắp xếp và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
40	Sáng tạo ra mẫu quy sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	- Trẻ tự sáng tạo ra mẫu quy sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.
41	Sử dụng được 1 số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.

42	Gọi tên và chỉ ra các điểm giống nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
43	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
44	Gọi đúng tên các thứ tự trong tuần, các mùa trong năm.	+ Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. + Gọi tên các thứ trong tuần.
45	Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ. (Chỉ số 111)	- Biết lịch dùng để làm gì và đồng hồ dùng để làm gì. - Nói được ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ (Ví dụ: bây giờ là 2 giờ, 3 giờ v.v...)
c, Khám phá xã hội		
46	Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Trẻ nói đúng họ tên, ngày sinh và giới tính của bản thân
47	Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình nghề nghiệp của bố, mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình (quy mô gia đình, gia đình nhỏ gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình, địa chỉ của gia đình.
48	Nói địa chỉ gia đình mình	- Trẻ biết (số nhà, đường phố/ thôn xóm) số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi, trò chuyện
49	Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi đọc hỏi, trò chuyện.	- Đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non, công việc của các cô bác trong trường,
50	Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.
51	Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví	- Tên gọi, công dụng, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề

	dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...	truyền thống của địa phương.
52	Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ: Ngày quốc khánh (2/9), cả nước em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên.	- Tìm hiểu về hội xuân của địa phương.
53	Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
55	Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.
56	Hiểu nghĩa từ khái quát:	- Hiểu các từ khái quát, trái nghĩa - Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)
57	Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung chuyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng, tục ngữ, câu đố hò ve phù hợp với độ tuổi.
58	Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được	- Nghe hiểu nội dung câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
59	Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh	- Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
60	Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.	- Trả lời được các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: (Tại sao?), “Có gì giống nhau, có gì khác, do đâu mà có”. - Đặt các câu hỏi “Tại sao”, “Như thế nào”,

		“làm bằng gì”
61	Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
62	Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao	- Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao
63	Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự - Kể một vài tình tiết của câu truyện.
64	Đóng được vai của nhân vật trong truyện.	- Trẻ đóng được kịch.
65	Sử dụng các từ “Cảm ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “Vâng”... phù hợp với tình huống.	- Trẻ biết sử dụng các từ “Cảm ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “Vâng”... phù hợp với tình huống.
66	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.
67	Chọn sách để đọc và xem	Trẻ biết chọn sách để đọc và xem
68	Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân	- Kể lại truyện theo đồ vật, theo tranh.
69	Biết cách “đọc sách” từ trái qua phải, từ trên xuống dưới, từ đầu đến cuối sách.	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ - Giữ gìn sách, bảo vệ sách.
70	Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ...)
71	Nhận dạng chữ cái trong bảng tiếng việt	- Nhận dạng được các chữ cái
72	Thích đọc những chữ đã biết	- Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm

	trong môi trường xung quanh. (<i>Chỉ số 79</i>)	sách. - Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động liên quan đến đọc viết của lớp. - Quan tâm hỏi về chữ viết trong sách báo, hàng hóa, bảng biểu...
73	Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI		
1. Phát triển tình cảm		
74	Nói được họ tên, tuổi giới tính của bản thân, tên bố mẹ, địa chỉ nhà hoặc số điện thoại.	- Nói được sở thích, khả năng của bản thân - Điểm giống nhau của mình với bạn khác. - Nói được tên bố mẹ địa chỉ gia đình hoặc số điện thoại.
75	Nói được điều bé thích, không thích, những điều bé làm được điều không làm được.	- Trẻ biết vị trí và trách nhiệm của bản thân và trong gia đình, lớp học. - Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)
76	Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn, dáng vẻ bên ngoài, giới tính sở thích và khả năng.	- Trẻ biết điểm giống và khác nhau với bạn - Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến
77	Biết mình là con/cháu/anh /chị/em trong gia đình	- Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình. - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động
78	Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ công việc vừa sức	- Trẻ vâng lời và biết giúp đỡ bố mẹ công việc vừa sức, thực hiện tốt công việc được giao.
79	Tự làm một số việc đơn giản hàng ngày.	- Trẻ tự vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi, chủ động và độc lập trong một số hoạt động
80	Cố gắng hoàn thành công việc được giao	- Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao
81	Nhận biết được một số trạng thái, cảm xúc, vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.	- Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.

	mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh ảnh.	
82	Biểu lộ cảm xúc : vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc : vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.
83	Biết an ủi chia vui với người thân bạn bè.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái, cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
84	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.
85	Thể hiện cảm xúc, tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, kể chuyện về Bác.	- Kính yêu Bác Hồ - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
86	Biết một vài cảnh đẹp di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương đất nước.	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương đất nước.
Phát triển kĩ năng xã hội		
87	Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng:	- Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường).
88	Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.
89	Chú ý khi nghe cô, bạn nói, không ngắt lời người khác	- Trẻ biết chú ý khi nghe cô, bạn nói, không ngắt lời người khác
90	Biết chờ đến lượt	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận
91	Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn	- Quan tâm, chia sẻ giúp đỡ bạn.
92	Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự	- Trẻ tôn trọng, hợp tác, chấp nhận, quan tâm chia sẻ, giúp đỡ bạn

	can thiệp của người khác chấp nhận nhường nhịn)	- Nhận xét và tỏ thái độ hành vi đúng”, “sai”, “tốt”, “xấu”.
93	Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	- Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối
94	Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn. (Chỉ số 51)	Trẻ chấp nhận sự phân công của nhóm trưởng, cô giáo khi tham gia các hoạt động tập thể
95	Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác. (Chỉ số 52)	Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ cùng bạn, cùng cô
96	Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép. (Chỉ số 24)	Trẻ biết không được nhận quà của người lạ, không đi theo khi chưa có sự cho phép của bố mẹ, cô giáo....
97	Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn. (Chỉ số 45)	Trẻ sẵn sàng giúp đỡ mọi người khi gặp khó khăn
98	Bỏ rác đúng nơi quy định	- Trẻ biết bỏ rác đúng qui định. Nhắc nhở bạn khi vứt rác bừa bãi,... - Giữ gìn vệ sinh môi trường.
99	Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	- Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường(không vứt rác bừa bãi, bẻ cành , ngắt hoa...)
100	Tiết kiệm trong sinh hoạt:	- Trẻ biết tiết kiệm điện nước - Trẻ biết tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thức ăn thừa.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		
101	Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.

102	Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.
103	Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục
104	Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát
105	Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa...)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc . - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
106	Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên, phế liệu để tạo ra sản phẩm.
107	Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
108	Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán, để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước hình dáng/ đường nét và bố cục.
109	Phối hợp các kỹ năng nặn, để tạo thành sản phẩm có bố	- Biết phối hợp các kỹ năng nặn, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/

	cục cân đối.	đường nét và bố cục
110	Phối hợp các kỹ năng xếp hình, để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	- Biết phối hợp các kỹ xếp hình, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục
111	Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét, bố cục.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục
112	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).
113	Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	- Tìm kiếm lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích
114	Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình
115	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Trẻ đặt tên cho sản phẩm tạo hình theo ý thích

KHỐI LÁ GHÉP

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
Phát triển vận động		
1	<p>- 5 tuổi: Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài tập thể dục theo hiệu lệnh hoặc nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.</p> <p>- 4 tuổi: Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh</p>	<p>- Tay: + Đưa hai tay lên cao, ra trước, sang hai bên (kết hợp với vẫy bàn tay. Xoay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân.</p> <p>- Lung- bụng- lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp giơ tay lên cao chân bước sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông chân bước sang phải sang trái.</p> <p>- Chân: Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về sau. + Nhảy lên đưa hai chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về trước.</p>
2	-5 tuổi: Giữ thăng bằng cơ	- Đi và chạy:

	<p>thể khi thực hiện vận động</p> <p>-4 tuổi: Giữ thẳng bằng cơ thể khi vận động</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Đi bằng mép ngoài bàn chân. + Đi khuyu gối + Đi nổi bàn chân tiến lùi. + Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát. + Đi trên dây + Đi bằng mũi bàn chân + Đứng giữ 1 chân và giữ thẳng người trong 10 giây.
3	<p>-5 tuổi: Kiểm soát vận động</p> <p>-4 tuổi: Kiểm soát được vận động</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi chạy: + Chạy đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Chạy đổi hướng díc dắc theo hiệu lệnh. + Chạy 18m trong khoảng 10 giây + Chạy chậm 100 - 120m.
4	<p>-5 tuổi: Phối hợp tay mắt trong vận động.</p> <p>-4 tuổi: Phối hợp tay, mắt trong vận động tung, ném bắt</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Tung bóng lên cao và bắt bóng. + Ném xa bằng 1 tay, hai tay. + Ném xa bằng hai tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Ném trúng đích bằng hai tay. + Ném trúng đích nằm ngang. + Ném trúng đích thẳng đứng. + Bắt và ném bóng với người đối diện. + Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp. + Lăn bóng và đi theo bóng + Chuyển, bắt bóng qua đầu- qua chân. + Chuyển, bắt bóng qua trái- qua phải.
5	<p>-5 tuổi: Thể hiện nhanh mạnh khéo trong các bài tập tổng hợp.</p> <p>-4 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong bài tập</p>	<ul style="list-style-type: none"> +BAT liên tục vào vòng. +BAT tách khớp chân vào 7 ô. +BAT nhảy từ trên cao xuống (40-45cm). +BAT qua vật cản 15 – 20 cm. +Nhảy lò cò 5m. +BAT xa 40-50cm. +Bò bằng bàn chân bàn tay qua 4-5m +Bò bằng bàn tay và cẳng chân +Bò bằng dích dắc qua 7 điểm. +Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. +Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5-30cm. +Trèo lên 7 gióng thang.

6	<p>- 5Tuổi: Thực hiện được các vận động</p> <p>- 4 tuổi: Thực hiện được các vận động</p>	<p>+ Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay</p> <p>+ Gập mở lăm lượt từng ngón tay.</p> <p>+ Cuộn xoay tròn cổ tay</p> <p>+ Gập, mở các ngón tay</p>
7	<p>-5 tuổi: Phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong 1 hoạt động</p> <p>-4 tuổi: Phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động</p>	<p>Vẽ và sao chép các chữ cái, chữ số cắt dọc theo đường viền của hình vẽ. Xếp chồng 12-15 khối. Khôi theo mẫu- ghép và dán hình đã cắt theo mẫu, tự cài, cởi cúc xâu dây dài, tự cài dây dép, kéo khóa.</p>
Dinh dưỡng và sức khỏe		
8	<p>-5 tuổi: Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:</p> <p>-4 tuổi: Biết một số thực phẩm cùng nhóm:</p>	<p>- Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá...</p> <p>- Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...</p>
9	<p>-5 tuổi: Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến thức ăn đơn giản</p> <p>-4 tuổi:Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản:</p>	<p>- Rau luộc, nấu canh</p> <p>- Gạo nấu cơm</p> <p>-Thịt luộc , kho...</p>
10	<p>-5 tuổi: Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe</p> <p>-4 tuổi: Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn</p>	<p>- Nhận biết phân biệt một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.</p> <p>- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.</p> <p>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất.</p> <p>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)</p>

	khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng	
11	-5 tuổi: Thực hiện một số công việc đơn giản -4 tuổi: Thực hiện một số công việc khi được nhắc nhở.	- Tự rửa tay bằng xà phòng: Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong giội/ giặt nước cho sạch.
12	-5 tuổi: Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh. -4 tuổi: Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.	- Biết: Cười đùa trong khi ăn uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc... - Biết không tự ý uống thóc - Biết: Ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá quả dễ bị ngộ độc, uống rượu bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe
12	-5 tuổi: Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống. -4 tuổi: Có một số hành vi tốt trong ăn uống	- Mời cô mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường
13	-5 tuổi: Sử dụng đồ dùng ăn uống thành thạo -4 tuổi: Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Trẻ sử dụng đồ dùng trong ăn uống một cách thành thạo.
14	-5 tuổi; Biết hút thuốc lá có hại và không lại gần người đang hút thuốc. (Chỉ số 26) -4 tuổi: Không lại gần người hút thuốc	- Khi hỏi về tác hại của thuốc lá, trẻ trả lời: hút thuốc lá là độc/ hại. - Trẻ bày tỏ thái độ không đồng tình và cách bảo vệ sức khỏe của mình qua tranh, ảnh, thực tế - Tránh chỗ có người hút thuốc.
15	-5 tuổi: Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: -4 tuổi:Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng	- Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy - Ra nắng đội mũ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc

	bệnh	sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.
16	-5 tuổi: Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn. -4 tuổi: Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm không đến gần. Không tự chơi với những đồ vật sắc nhọn, điện, vật nóng.	+ Nhận ra được tác hại của 1 số việc gây nguy hiểm. + Tránh và không chơi với đồ chơi, đồ dùng gây nguy hiểm.
17	-5 tuổi: Biết những nơi như: Hồ, ao, bể chứa nước...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm. -4 tuổi: Nhận ra những nơi như ao, hồ, nương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm không được chơi gần	* <i>Khi gặp nguy hiểm</i> - Kêu cứu - Gọi người lớn, nhờ bạn gọi người lớn - Hành động tự bảo vệ.
18	-5 tuổi: Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: -4 tuổi: Không được ra khỏi trường , lớp khi không được phép của cô.	- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...
19	-5 tuổi: Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh. -4 tuổi: Biết một số hành	- Biết: Cười đùa trong khi ăn uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc... - Biết không tự ý uống thóc - Biết: Ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá quả dễ bị

	động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.	ngộ độc, uống rượu bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe
20	-5 Tuổi: Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ. - 4 Tuổi: Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ	- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn. + Ra khỏi nhà khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo...
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
a, Khám phá khoa học		
21	-5 tuổi: Tò mò, tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa, tại sao có nắng...? -4 tuổi: Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây cối - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
22	-5 tuổi: Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả...và thảo luận về đặc điểm của đối tượng. -4 tuổi:Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm,.. để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Đặc điểm, lợi ích của tác hại con vật, cây, hoa, quả.. - Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây con vật. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của cây, con vật, hoa quả, con vật.... - Phân loại cây hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây, với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ cây.
23	-5 tuổi: Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát	- Trẻ thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước, theo dõi và so sánh sự phát triển.

	<p>So sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.</p> <p>-4 tuổi: Làm thử nghiệm và sử dụng dụng cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.</p>	
24	<p>-5 tuổi: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau</p> <p>-4 tuổi: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.</p>	<p>- Trẻ xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.</p>
25	<p>-5 tuổi: Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau</p> <p>-4 tuổi: Phân loại các đối tượng theo 2-3 dấu hiệu</p>	<p>- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu</p>
26	<p>-5 tuổi: Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng.</p> <p>-4 tuổi: Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.</p>	<p>- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.</p> <p>- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự theo mùa.</p> <p>- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây cối theo mùa.</p> <p>- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng</p>
27	<p>-5 tuổi: Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau</p> <p>-4 tuổi: Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản</p>	<p>- Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau</p>
28	<p>-5 tuổi: Nhận xét, thảo luận về đặc điểm về sự giống và khác nhau của các đối tượng được quan sát.</p>	<p>- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi.</p> <p>- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi</p>

	-4 tuổi: Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	quen thuộc. - So sánh sự giống nhau và khác của đồ dùng đồ chơi. - Phân loại đồ dùng đồ chơi - Đặc điểm công dụng của đồ dùng đồ chơi, phương tiện giao thông.
29	-5 tuổi: Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình. -4 tuổi: Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động âm nhạc, chơi, tạo hình,	- Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.
30	-5 tuổi; Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng. (Chỉ số 96) -4 tuổi: Phân loại đồ dùng thông thường theo khả năng	- Trẻ nói được công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hàng ngày. - Trẻ nhận ra đặc điểm chung về công dụng, chất liệu của 3 (hoặc 4) đồ dùng. - Gọi tên và phân nhóm theo công dụng hoặc chất liệu theo yêu cầu.
31	-5 tuổi: Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. (Chỉ số 95) -4 tuổi:	- Dự đoán được hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo. - Giải thích dự đoán của mình
b, Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.		
32	-5 tuổi: Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm. -4 tuổi: Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: Bao nhiêu; là số mấy, ...	Trẻ hỏi “Bao nhiêu”, “Đây là mấy”...
33	-5 tuổi: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. -4 tuổi: Đếm trên đối tượng	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.

	trong phạm vi 10	- Trẻ biết bằng nhau, nhiều nhất, ít nhất, nhiều hơn.
34	<p>- 5 Tuổi: Tuổi: So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả</p> <p>- 4 Tuổi: So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau.</p>	- Trẻ biết bằng nhau, nhiều nhất, ít nhất, nhiều hơn.
35	<p>-5 tuổi: Gộp/tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm bằng các cách khác nhau.</p> <p>-4 tuổi: Gộp, tách hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói được kết quả</p>	- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
36	<p>-5 tuổi: Nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.</p> <p>-4 tuổi: Sử dụng các con số từ 1 – 5 để chỉ số lượng, số thứ tự</p>	- Trẻ nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.
37	<p>-5 tuổi; Nhận Biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày</p> <p>-4 tuổi: Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.</p>	- Trẻ nhận biết các con số qua số nhà, biển số xe, số điện thoại.....
38	<p>-5 tuổi: Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu</p> <p>-4 tuổi: Sử dụng các vật liệu</p>	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.

	khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	
39	-5 tuổi: Nhận ra quy tắc sắp xếp và sao chép lại. -4 tuổi: Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
40	-5 tuổi: Sáng tạo ra mẫu quy sắp xếp và tiếp tục sắp xếp -4 tuổi: Sắp xếp theo mẫu	- Trẻ tự sáng tạo ra mẫu quy sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.
41	-5 tuổi: Sử dụng được 1 số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả. -4 tuổi: Sử dụng dụng cụ để đo độ dài dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
42	-5 tuổi: Gọi tên và chỉ ra các điểm giống nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật. -4 tuổi: Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình (Hình tròn và tam giác; hình vuông và hình chữ nhật; ...)	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
43	-5 tuổi: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn -4 tuổi: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
44	-5 tuổi: Gọi đúng tên các thứ tự trong tuần, các mùa trong năm. -4 tuổi: Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày	+ Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. + Gọi tên các thứ trong tuần.

45	<p>-5 tuổi: Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ. (Chỉ số 111)</p> <p>-4 tuổi:</p>	<p>- Biết lịch dùng để làm gì và đồng hồ dùng để làm gì.</p> <p>- Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ (Ví dụ: bây giờ là 2 giờ, 3 giờ v.v...)</p>
c, Khám phá xã hội		
46	<p>-5 tuổi: Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện</p> <p>-4 tuổi: Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện</p>	<p>- Trẻ nói đúng họ tên, ngày sinh và giới tính của bản thân</p>
47	<p>-5 tuổi: Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.</p> <p>-4 tuổi: Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.</p>	<p>- Các thành viên trong gia đình nghề nghiệp của bố, mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình (quy mô gia đình, gia đình nhỏ gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình, địa chỉ của gia đình.</p>
48	<p>-5 tuổi: Nói địa chỉ gia đình mình</p> <p>-4 tuổi: Nói địa chỉ của gia đình mình</p>	<p>- Trẻ biết (số nhà, đường phố/ thôn xóm) số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi, trò chuyện</p>
49	<p>-5 tuổi: Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi đọc hỏi, trò chuyện.</p> <p>-4 tuổi: Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện</p>	<p>- Đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non, công việc của các cô bác trong trường,</p>
49	<p>-5 tuổi: Họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp</p> <p>-4 tuổi: Nói tên và một vài</p>	<p>trẻ nói được họ tên và đặc điểm của bạn cùng lớp khi được hỏi</p>

	đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	
50	-5 tuổi: Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. -4 tuổi: Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.
51	-5 tuổi: Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới -4 tuổi: Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi,...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện	- Tên gọi, công dụng, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
52	-5 tuổi: Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ: Ngày quốc khánh (2/9), cả nước em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên. -4 tuổi: Kể tên và nói đặc điểm một số ngày lễ, hội ở địa phương	- Tìm hiểu về hội xuân của địa phương.
53	-5 tuổi: Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước -4 tuổi: Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		

55	<p>-5 tuổi: Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.</p> <p>-4 tuổi: Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.</p>	<p>- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.</p>
56	<p>-5 tuổi: Hiểu nghĩa từ khái quát:</p> <p>-4 tuổi: Hiểu nghĩa từ khái quát: rau, quả, con vật, đồ gỗ,...</p>	<p>- Hiểu các từ khái quát, trái nghĩa</p> <p>- Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)</p>
57	<p>-5 tuổi:Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.</p> <p>-4 tuổi:Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại</p>	<p>- Nghe hiểu nội dung chuyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.</p> <p>- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng, tục ngữ, câu đố hò vè phù hợp với độ tuổi.</p>
58	<p>-5 tuổi: Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được</p> <p>-4 tuổi: Nói rõ để người nghe có thể hiểu được</p>	<p>- Nghe hiểu nội dung câu đơn, câu mở rộng, câu phức.</p>
59	<p>-5 tuổi: Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh</p> <p>-4 tuổi: Sử dụng các từ chỉ sự vật, đặc điểm, hoạt động</p>	<p>- Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</p>
60	<p>-5 tuổi: Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.</p> <p>-4 tuổi:Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép.</p>	<p>- Trả lời được các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: (Tại sao?), “Có gì giống nhau, có gì khác, do đâu mà có”.</p> <p>- Đặt các câu hỏi “Tại sao”, “Như thế nào”, “làm bằng gì”</p>
61	<p>-5 tuổi: Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành</p>	<p>- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn,</p>

	động, tính cách, trạng thái... của nhân vật. -4 tuổi: Kể lại sự việc theo trình tự.	câu ghép khác nhau.
62	-5 tuổi: Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao -4 tuổi: Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, ...	- Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao
63	-5 tuổi: Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện -4 tuổi: Kể truyện có mở đầu, kết thúc	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự - Kể một vài tình tiết của câu truyện.
64	-5 tuổi: Đóng được vai của nhân vật trong truyện. -4 tuổi: Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Trẻ đóng được kịch.
65	-5 tuổi: Sử dụng các từ “Cảm ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “Vâng”...phù hợp với tình huống.Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp. -4 tuổi: Sử dụng các từ như ‘Mời cô’ ‘Mời bạn’; ‘Cảm ơn’; ‘Xi lỗi’..trong giao tiếp	- Trẻ biết sử dụng các từ “Cảm ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “Vâng”...phù hợp với tình huống.
66	-5 tuổi: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh -4 tuổi: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.
67	-5 tuổi: Chọn sách để đọc và xem	Trẻ biết chọn sách để đọc và xem

	-4 tuổi: Chọn sách để xem	
68	- 5 tuổi: Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân -4 tuổi: Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Kể lại truyện theo đồ vật, theo tranh.
69	-5 tuổi: Biết cách “đọc sách” từ trái qua phải, từ trên xuống dưới, từ đầu đến cuối sách. -4 tuổi: Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ - Giữ gìn sách, bảo vệ sách.
70	-5 tuổi: Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông... -4 tuổi: Nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ...)
71	-5 tuổi: Nhận dạng chữ cái trong bảng tiếng việt -4 tuổi: Nhận dạng một số chữ cái	- Nhận dạng được các chữ cái
72	-5 tuổi: Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh. (<i>Chỉ số 79</i>) -4 tuổi: Có thể đọc chữ theo người lớn khi nhắc nhở	- Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách. - Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động liên quan đến đọc viết của lớp. - Quan tâm hỏi về chữ viết trong sách báo, hàng hóa, bảng biểu...
73	-5 tuổi: Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. -4 tuổi: Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái theo khả năng.	- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM , KỸ NĂNG XÃ HỘI

2. Phát triển tình cảm

74	<p>-5 tuổi: Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ, địa chỉ nhà hoặc số điện thoại.</p> <p>-4 tuổi: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.</p>	<p>- Nói được sở thích, khả năng của bản thân</p> <p>- Điểm giống nhau của mình với bạn khác.</p> <p>- Nói được tên bố mẹ địa chỉ gia đình hoặc số điện thoại.</p>
75	<p>-5 tuổi: Nói được điều bé thích, không thích, những điều bé làm được điều không làm được.</p> <p>-4 tuổi: Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.</p>	<p>- Trẻ biết vị trí và trách nhiệm của bản thân và trong gia đình, lớp học.</p> <p>- Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)</p>
76	<p>-5 tuổi: Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn, dáng vẻ bên ngoài, giới tính sở thích và khả năng.</p> <p>-4 tuổi: Nói được mình giống và khác bạn, theo khả năng.</p>	<p>- Trẻ biết điểm giống và khác nhau với bạn</p> <p>- Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến</p>
77	<p>-5 tuổi: Biết mình là con/cháu/anh /chị/em trong gia đình</p> <p>-4 tuổi: Biết mình là con/cháu/anh /chị/em trong gia đình khi được nhắc nhở</p>	<p>- Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình.</p> <p>- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động</p>
78	<p>-5 tuổi: Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ cô giáo công việc vừa sức</p> <p>-4 tuổi: Biết vâng lời, bố mẹ, cô giáo</p>	<p>- Trẻ vâng lời và biết giúp đỡ bố mẹ cô giáo những công việc vừa sức, thực hiện tốt công việc được giao.</p>

79	<p>-5 tuổi: Tự làm một số việc đơn giản hàng ngày.</p> <p>-4 tuổi: Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.</p>	<p>- Trẻ tự vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi, chủ động và độc lập trong một số hoạt động</p>
80	<p>-5 tuổi: Cố gắng hoàn thành công việc được giao</p> <p>-4 tuổi: Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)</p>	<p>- Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao</p>
81	<p>-5 tuổi: Nhận biết được một số trạng thái, cảm xúc, vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh ảnh.</p> <p>-4 tuổi: Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.</p>	<p>- Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.</p>
82	<p>-5 tuổi; Biểu lộ cảm xúc : vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ</p> <p>-4 tuổi: Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.</p>	<p>- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc : vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.</p>
83	<p>-5 tuổi; Biết an ủi chia vui với người thân bạn bè.</p> <p>-4 tuổi: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.</p>	<p>- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái, cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.</p> <p>- Mối quan hệ già hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.</p>
84	<p>-5 tuổi: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)</p> <p>-4 tuổi: Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể truyện về Bác Hồ</p>	<p>- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.</p>

85	<p>-5 tuổi: Thể hiện cảm xúc, tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, kể chuyện về Bác.</p> <p>-4 tuổi: Thể hiện cảm xúc, tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, kể chuyện về Bác.</p>	<p>- Kính yêu Bác Hồ</p> <p>- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.</p>
86	<p>-5 tuổi: Biết một vài cảnh đẹp di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương đất nước.</p> <p>-4 tuổi: Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước</p>	<p>- Trẻ biết một vài cảnh đẹp di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương đất nước.</p>
Phát triển kĩ năng xã hội		
87	<p>-5 tuổi: Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng:</p> <p>-4 tuổi: Thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình</p>	<p>- Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường).</p>
88	<p>-5 tuổi: Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép</p> <p>-4 tuổi: Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.</p>	<p>- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.</p>
89	<p>-5 tuổi: Chú ý khi nghe cô, bạn nói, không ngắt lời người khác</p> <p>-4 tuổi: Chú ý nghe khi cô, bạn nói.</p>	<p>- Trẻ biết chú ý khi nghe cô, bạn nói, không ngắt lời người khác</p>
90	<p>-5 tuổi: Biết chờ đến lượt</p> <p>-4 tuổi:Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.</p>	<p>- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận</p>
91	<p>-5 tuổi: Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn</p> <p>-4 tuổi: Biết trao đổi, thỏa</p>	<p>- Quan tâm, chia sẻ giúp đỡ bạn.</p>

	thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung	
92	-5 tuổi: Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác chấp nhận nhường nhịn) 4 tuổi:	- Trẻ tôn trọng, hợp tác, chấp nhận, quan tâm chia sẻ, giúp đỡ bạn - Nhận xét và tỏ thái độ hành vi đúng”, “sai”, “tốt”, “xấu”.
93	-5 tuổi: Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc -4 tuổi: Thích chăm sóc cây cối, con vật. Không bẻ cành ngắt lá	- Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối
94	- 5 Tuổi:Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn. (<i>Chỉ số 51</i>) - 4 Tuổi: Chấp nhận sự phân công của bạn, của cô	Trẻ chấp nhận sự phân công của nhóm trưởng, cô giáo khi tham gia các hoạt động tập thể
95	- 5 Tuổi: Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác. (<i>Chỉ số 52</i>) - 4 Tuổi: sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ	Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ cùng bạn, cùng cô
96	-5 Tuổi: Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép. (<i>Chỉ số 24</i>) - 4 Tuổi: Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.	Trẻ biết không được nhận quà của người lạ, không đi theo khi chưa có sự cho phép của bố mẹ, cô giáo....
97	- 5 Tuổi : Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn. (<i>Chỉ số 45</i>) - Tuổi: Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.	Trẻ sẵn sàng giúp đỡ mọi người khi gặp khó khăn
98	-5 tuổi: Bỏ rác đúng nơi quy	- Trẻ biết bỏ rác đúng qui định. Nhắc nhở bạn

	<p>định</p> <p>-4 tuổi: Bỏ rác đúng nơi qui định</p>	<p>khi vứt rác bừa bãi,...</p> <p>- Giữ gìn vệ sinh môi trường.</p>
99	<p>-5 tuổi: Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).</p> <p>-4 tuổi: Không bẻ cành, bứt hoa</p>	<p>- Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường(không vứt rác bừa bãi, bẻ cành , ngắt hoa...)</p>
100	<p>-5 tuổi: Tiết kiệm trong sinh hoạt:</p> <p>-4 tuổi: - Không để tràn nước khi rửa tay, khóa vòi nước sau khi dùng; không để thừa thức ăn; tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng, ...</p>	<p>- Trẻ biết tiết kiệm điện nước</p> <p>- Trẻ biết tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thức ăn thừa.</p>
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		
101	<p>-5 tuổi: Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.</p> <p>-4 tuổi: Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.</p>	<p>- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.</p>
102	<p>-5 tuổi: Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc.</p>	<p>- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển).</p> <p>- Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.</p>

	<p>Thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.</p> <p>-4 tuổi:Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc.</p>	
103	<p>-5 tuổi: Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.</p> <p>-4 tuổi: Thích thú, ngắm, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.</p>	<p>- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục</p>
104	<p>-5 tuổi: Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ</p> <p>-4 tuổi: Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ</p> <p>...</p>	<p>- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát</p>
105	<p>-5tuổi: Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa...)</p> <p>-4 tuổi: Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài</p>	<p>- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc .</p> <p>- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.</p>

	hát, bản nhạc với các hình thức. Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu	
106	-5 tuổi: Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. -4 tuổi: Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên, phế liệu để tạo ra sản phẩm.
107	-5 tuổi: Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối. -4 tuổi: Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
108	-5 tuổi: Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán, để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối. -4 tuổi: Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục	- Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước hình dáng/ đường nét và bố cục.
109	-5 tuổi: Phối hợp các kỹ năng nặn, để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối. -4 tuổi: Làm lốm, đổ bột, bẻ, loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	- Biết phối hợp các kỹ năng nặn, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục
110	-5 tuổi: Phối hợp các kỹ năng xếp hình, để tạo thành	- Biết phối hợp các kỹ xếp hình, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/

	<p>sản phẩm có bố cục cân đối</p> <p>-4 tuổi: Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau</p>	<p>đường nét và bố cục</p>
111	<p>-5 tuổi: Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét, bố cục.</p> <p>-4 tuổi: Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.</p>	<p>- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục</p>
102	<p>-5 tuổi: Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.</p> <p>-4 tuổi: Lựa chọn, thể hiện hình thức vận động theo bài hát theo bản nhạc.</p>	<p>- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích</p> <p>- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).</p>
103	<p>-5 tuổi: Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn</p> <p>-4 tuổi: Lựa chọn dụng cụ đệm để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát</p>	<p>- Tìm kiếm lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích</p>
114	<p>-5 tuổi: Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích</p> <p>-4 tuổi: Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.</p> <p>Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.</p>	<p>- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình</p>
115	<p>5 tuổi: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.</p> <p>-4 tuổi: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình theo khả năng.</p>	<p>- Trẻ đặt tên cho sản phẩm tạo hình theo ý thích</p>

**DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ - THỜI GIAN THỰC HIỆN
KHỐI MẦM- CHỖI**

TT	Nhánh hoạt động	Sự kiện	Thời gian
I.	Trường mầm non. - Ngày hội đến trường của bé - Trường MN - Lớp học của bé - Đồ chơi trong trường, lớp	Ngày hội bé đến trường	Từ 09/9 đến 04/10/2024
II.	Bản thân . - Tôi là ai? - Cơ thể của tôi. - Nhu cầu của bé (2 tuần)	Ngày thành lập HLHPN VN	Từ ngày 7/10 đến 25 tháng 10/2024
III.	Gia đình . - Gia đình của bé. - Ngôi nhà của bé. - Đồ dùng của gia đình của. - Nhu cầu của gia đình.	20/11 Ngày nhà giáo việt Nam	Từ 28/10 đến 22/11/2024
IV.	Nghề nghiệp. - Nghề giáo viên – ngày 20/11. - Nghề phổ biến quen thuộc - Nghề sản xuất dịch vụ - Nghề truyền thống phổ biến ở địa phương.	Ngày thành lập quân đội nhân dân VN.	Từ 25/11 đến 20/12/2024
V.	Thế giới động vật. - Động vật nuôi trong gia đình - Động vật sống trong rừng - Động vật sống dưới nước - Chim và Một số loại côn trùng	Giáng sinh an lành- Chuẩn bị đón tết cổ truyền	Từ 30/12/2024 đến 24/1/2025
VI.	Thế giới thực vật. - Một số loại hoa - Một số loại quả - Một số cây lương thực - Một số loại rau	Ngày thành lập ĐCSVN	Từ 10/02 đến Đến 07/3/2025
VII.	Phương tiện giao thông. - Một số Phương tiện giao thông đường bộ - Một số Phương tiện giao thông đường thủy	Giỗ tổ Hùng Vương	Từ 10/3 đến 04/4/2025

	<ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện giao thông đường sắt và đường hàng không - Một số luật lệ giao thông phổ biến 		
VIII.	<p>Nước và Hiện tượng tự nhiên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước - Một số hiện tượng thiên nhiên. - Các mùa trong năm 	30/4 và 1/5	Từ 07/4 đến 25/04/2025
IX.	<p>Quê hương- Đất nước- Bác Hồ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đất nước diệu kì - Tây nguyên tươi đẹp - Gia Nghĩa Quê em - Bác Hồ kính yêu 	Sinh nhật Bác Hồ	Từ 28/04 đến 23/5/2025

KHỐI LÁ

TT	Nhánh hoạt động	Sự kiện	Thời gian
I.	<p>Trường mầm non.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường MN Hòa Mi của bé - Lớp lá của bé - Đồ dùng đồ chơi trong trường 	Ngày hội đến trường của bé Tết trung thu	Từ 09/9/2024 đến 27/9/2024
II.	<p>Bản thân .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tôi là ai? - Cơ thể của tôi. - Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh. 		Từ 30/9/2024 đến 18/10/2024
III	<p>Gia đình .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gia đình của bé. - Ngôi nhà của bé. - Đồ dùng của gia đình của. - Nhu cầu của gia đình. 	Ngày thành lập HLHPN VN	Từ 21/10/2024 Đến 15/11/2024
IV.	<p>Nghề nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghề giáo viên – ngày 20/11. - Nghề phổ biến quen thuộc - Nghề sản xuất dịch vụ - Nghề truyền thống phổ biến ở địa phương. 	20/11 Ngày nhà giáo việt Nam	Từ 18/11/2024 đến 13/12/2024
V.	<p>Thế giới động vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Động vật nuôi trong gia đình - Động vật sống trong rừng 	Ngày thành lập quân đội	Từ 16/12/2024 đến 10/01/2025

	<ul style="list-style-type: none"> - Động vật sống dưới nước - Chim và Một số loại côn trùng 	nhân dân VN	
VI.	Thế giới thực vật. <ul style="list-style-type: none"> - Một số loại hoa - Một số loại quả - Một số cây lương thực - Một số loại rau 	Tết nguyên đán	Từ 13/01/2025 đến 21/2/2025
VII.	Phương tiện giao thông. <ul style="list-style-type: none"> - Một số Phương tiện giao thông đường bộ - Một số luật lệ giao thông phổ biến - Một số biển báo giao thông - Một số Phương tiện giao thông đường Thủy 		Từ 24/2/2025 đến 21/3/2025
VIII.	Nước và Hiện tượng tự nhiên. <ul style="list-style-type: none"> - Nước - Hiện tượng thời tiết - Các mùa trong năm 	Giỗ tổ Hùng Vương	Từ 24/3/2025 đến 11/4/2025
IX.	Quê hương- Đất nước- Bác Hồ. <ul style="list-style-type: none"> - Đất nước diệu kì - Quê hương em - Bác Hồ kính yêu 	30/4 và 1/5	Từ 14/4/2025 đến 09/5/2025
X	Trường tiểu học <ul style="list-style-type: none"> - Bé với trường tiểu học - Bé chuẩn bị vào lớp 1 - Đồ dùng củ bé 		Từ 12/5/2025 đến 23/5/2025

V. Dự kiến công tác trọng tâm các tháng năm học 2024 - 2025

Tháng	Nội dung công tác	Tổ chức thực hiện	Ghi chú
Tháng 8/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp nhà trường tuyển sinh năm học 2024-2025 - Lao động xung quang trường lớp, trang trí môi trường bên ngoài chuẩn bị cho năm học. - Tập huấn chuyên môn của PGD&ĐT. - Tham gia học tập và nghiên cứu tài liệu làm bài kiểm tra chính trị hè. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ban tuyển sinh - Toàn trường - Chuyên môn 	

	<ul style="list-style-type: none"> - Lập dự trù ấn phẩm và phát đồ dùng phục vụ công tác chuyên môn - Các lớp trang trí môi trường lớp học - Tụ trường ngày 29/8 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên môn - Giáo viên - HS toàn trường 	
Tháng 9/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp nhà trường tổ chức ngày hội đến trường cho trẻ, tết trung thu năm học mới 2024-2025 - Thống nhất chương trình, các loại hồ sơ - Thực hiện chương trình KHCSGD từ ngày 9/9 - Thực hiện nghiêm túc Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 ban hành chương trình giáo dục mầm non. - Duyệt kế hoạch năm, tổ khối, các lớp - Kiểm tra công tác trang trí lớp - Triển khai công tác học BDTX - Sinh hoạt chuyên môn theo kế hoạch 	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn trường - CM - TK - GV - CM - TK - GV - Chuyên môn - Chuyên môn, giáo viên - Chuyên môn - BGH - TK - BGH - GV - CM - TK - GV - Toàn trường 	
Tháng 10/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục duy trì rèn nề nếp dạy và học. - Kiểm tra hồ sơ sổ sách đợt 1 - Bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên - Phối hợp với nhà trường trồng hoa cây cảnh tạo cảnh quan tham gia hội thi trường học xanh - sạch - đẹp- an toàn - Thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên - Ban giám hiệu - Chuyên môn - TK - CM - TK- GV - BGH - GV - Giáo viên 	
Tháng 11/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với nhà trường tổ chức trò chơi dân gian chào mừng 20/11 - Thi văn nghệ trẻ - Kiểm tra chuyên đề - Hoàn thành các loại báo cáo hoạt động 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên môn - GV - Toàn trường - BGH - Giáo viên 	

	tháng 11	- BGH – TK - GV	
Tháng 12/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Thao giảng đợt 1 kết hợp thi giáo viên dạy giỏi cấp trường - Kiểm tra hồ sơ sổ sách giáo viên đợt 2 - Thi “ Giáo viên tài năng” - Hoàn thành các loại báo cáo hoạt động <p>Tổ chức trải nghiệm “ Bé tập làm chú bộ đội”.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - BGH – TK - GV - CM - TK - Giáo viên - Giáo viên - CM - TK 	
Tháng 1+ 2/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với nhà trường tổ chức cho trẻ trải nghiệm Hội Xuân của bé - Hoàn thành các loại báo cáo hoạt động tháng 1, 2 	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn trường - Toàn trường 	
Tháng 3/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra Hồ sơ giáo viên đợt 3 - Tiếp tục học BDTX - Kiểm tra các hoạt động chuyên môn - Duy trì tốt sĩ số học sinh - Thực hiện nghiêm túc chương trình - Hoàn thành các loại báo cáo hoạt động tháng 3. <p>Kiểm tra việc thực hiện quy chế tại các lớp. Theo dõi cân đo trẻ quý III.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - CM - TK - BGH - GV - Chuyên môn - TK - Giáo viên - Giáo viên - CM – TK - BGH - GV 	
Tháng 4/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục duy trì tốt nề nếp dạy và học. - Thao giảng đợt 2 lồng ghép với kiểm tra hoạt động sư phạm 02 giáo viên - Kiểm tra tổng hợp xếp loại bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên - Hoàn thiện các loại hồ sơ 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên - Chuyên môn - CM - GV - HS - BGH – TK - GV 	

Tháng 5/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá chất lượng học sinh cuối năm. - Xây dựng kế hoạch BDTX của cá nhân của khối năm học 2025-2026 - Phối hợp tổ chức lễ tổng kết, lễ ra trường cho trẻ 5 tuổi 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên - Chuyên môn - BGH - GV 	
Tháng 6,7/ 2025	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia học bồi dưỡng nâng cao trình độ (nếu có) - Phối hợp tuyển sinh năm học 2025-2026 - Tham gia bồi dưỡng CM - CT hè 2026 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên - BGH - BGH - GV 	

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 của trường mầm non Hòa Mi. Trong quá trình thực hiện có thể thay đổi, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

Nơi nhận

- Hội đồng trường (báo cáo);
- Các tổ CM (thực hiện);
- Lưu: HSCM.

Người xây dựng kế hoạch

Nguyễn Thị Vân Anh

**Phê duyệt của hội đồng trường
P. Chủ tịch hội đồng**